

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030.;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 tỉnh Lạng Sơn;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 tỉnh Lạng Sơn với các nội dung như sau:

Phần I
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025

I. NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU

1. Về phát triển kinh tế

Kinh tế tiếp tục phát triển, tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 6,79%¹, trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,93%; công nghiệp - xây dựng tăng 7,96%; dịch vụ tăng 6,69%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 5,35%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, năm 2025 ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 20,28%, giảm 2,96% so với năm 2020, công nghiệp - xây dựng chiếm 28,33%, tăng 6,44%; dịch vụ chiếm 47,24%, giảm 2,96%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,16%, giảm 0,52%. GRDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 71 triệu đồng, gấp 1,6 lần so với năm 2020.

1.1. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo thực hiện; tập trung phát triển các vùng cây trồng, vật nuôi chủ lực, thế mạnh của địa phương; hình thành, nhân rộng các mô hình

¹ Trong đó năm 2021 tăng 6,75%, năm 2022 tăng 6,63%, năm 2023 tăng 7,7%, năm 2024 tăng 6,01%, năm 2025 ước tăng 8,06%.

liên kết kinh tế, hợp tác xã nông nghiệp; phát triển các vùng sản xuất an toàn theo các tiêu chuẩn tiên tiến (VietGap, GlobalGap), đẩy mạnh quảng bá giới thiệu, xây dựng nhãn mác, thương hiệu để nâng cao giá trị sản phẩm, từng bước chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp. Các chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, cấp mã số vùng trồng đạt hiệu quả cao².

Lĩnh vực trồng trọt có những chuyển biến mạnh về cơ cấu cây trồng, mùa vụ, áp dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ cao vào sản xuất; sản lượng lương thực trung bình hằng năm đạt 302,7 nghìn tấn, đạt 99% kế hoạch, an ninh lương thực được đảm bảo; cơ cấu cây trồng chuyển đổi linh hoạt theo hướng giảm diện tích cây lương thực, cây có củ, tăng diện tích cây trồng có giá trị kinh tế³. Tập trung phát triển nâng cao chất lượng nông sản, truy xuất nguồn gốc sản phẩm hướng tới mở rộng thị trường xuất khẩu, các vùng trồng tập trung sản phẩm đặc sản, chủ lực của tỉnh với hơn 6.700 ha được chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và các tiêu chuẩn chất lượng khác⁴. Lĩnh vực chăn nuôi dần chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang quy mô trang trại, quy mô bán công nghiệp và công nghiệp nâng cao giá trị gia tăng; cơ cấu đàn gia súc có chuyển dịch, giảm về đàn trâu, bò, đàn lợn được tích cực tái đàn, đàn gia cầm phát triển ổn định⁵. Diện tích nuôi thủy sản hàng năm duy trì đạt trên 1.256 ha, sản lượng khai thác ước đạt 2.051 tấn/năm.

Lĩnh vực lâm nghiệp được chú trọng, tiếp tục phát triển mạnh mẽ, nhiều chương trình, chính sách về lâm nghiệp được ban hành; Diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được bảo vệ và phát triển, tính đa dạng sinh học, tính phòng hộ tiếp tục được nâng cao; việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật⁶. Công tác phát triển rừng được chú trọng và đạt hiệu quả cao, diện tích trồng rừng hằng năm đạt 9.625 ha, tỷ lệ che phủ rừng hết năm 2025 ước đạt 64,3%, tăng 1,3% so với năm 2020. Kinh tế lâm nghiệp đóng vai trò quan trọng trong đời sống Nhân dân; vùng trồng cây lâm nghiệp tập trung có giá trị kinh tế cao (Hồi, Thông, Keo, Bạch đàn, Quế⁷,...) được duy trì và mở rộng, phát triển một số loài cây trồng

² Đã đánh giá phân hạng và công nhận 231 sản phẩm OCOP từ 03 sao trở lên (trong đó: 21 sản phẩm 04 sao; 210 sản phẩm 03 sao). Xây dựng và hình thành 25 chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm để nâng cao sức cạnh tranh; có 229 vùng trồng được cấp mã số, với diện tích 1.275,1 ha, trong đó có 51 mã vùng trồng nội tiêu, diện tích 343,7 ha; 178 mã vùng trồng xuất khẩu, diện tích 931,7 ha.

³ Vùng rau đạt 9.735 ha, tăng 18% so với năm 2020; vùng thuốc lá đạt trên 2.500 ha, tăng trên 30% so với năm 2020, ớt 2.060 ha tăng 6,6% so với năm 2020, khoai tây 910 ha tăng 88% so với năm 2020.

⁴ Vùng rau tập trung với diện tích đạt trên 2.500 ha; vùng lúa đặc sản, chất lượng diện tích trên 2.900 ha, sản lượng đạt 13.400 tấn; vùng khoai lang với diện tích 1.400 ha, sản lượng đạt 10.000 tấn; vùng Thạch đen đạt diện tích từ 2.300- 3.300 ha, sản lượng đạt 12.000 - 17.000 tấn; vùng trồng Ổt cay với diện tích trên 1.700 - 2.050 ha, sản lượng đạt 14.000 - 18.000 tấn; vùng sản xuất Chè lấy búp với diện tích 400 ha, sản lượng đạt 1.600 tấn; vùng trồng cây Na mở rộng thêm 1.000 ha, diện tích vùng cây Na đạt 4.600 ha, sản lượng đạt 43.000 tấn; vùng Hồng không hạt Bảo Lâm, Hồng Vành khuyên mở rộng thêm 400 ha, diện tích đạt 2.250 ha, sản lượng đạt 12.000 tấn; vùng cây ăn quả có múi khác (Bưởi, Cam canh, Quýt,...) diện tích đạt 1.200 ha, sản lượng đạt 5.500 tấn.

⁵ Tổng đàn trâu ước khoảng 48,5 nghìn con, giảm 43% so với năm 2020; đàn bò 28,5 nghìn con, giảm 10,8%; đàn lợn 180 nghìn con, tăng 75%; đàn gia cầm 5 triệu con, tăng 4,7%.

⁶ Có 23 dự án đã được UBND tỉnh quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, tổng diện tích 739,856 ha.

⁷ Duy trì vùng cây Thông với diện tích 138.542,48 ha; cải tạo, phát triển vùng Hồi với diện tích trên 46.167,84 ha; mở rộng, phát triển vùng Quế được 10.754,26 ha; diện tích cây Sờ đang dần được phục hồi và mở rộng diện tích, hiện có trên 3.100 ha; vùng Keo 55.945,67 ha, vùng Bạch đàn 29.894,02 ha.

mới có giá trị kinh tế cao như cây Dẻ, cây Mắc ca⁸. Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2025 ước đạt 99%, tăng 3,9% so với năm 2020; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn đạt 60%, tăng 1,9%.

Phong trào xây dựng nông thôn mới được triển khai rộng khắp, đạt kết quả tích cực. Hết năm 2024, toàn tỉnh có 106/175 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 28/175 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 10/175 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; đạt chuẩn bình quân 15,21 tiêu chí/xã, tăng 2,31 tiêu chí/xã so với năm 2020. Tổng kinh phí huy động xây dựng nông thôn mới đạt 40.030 tỷ đồng⁹. Diện mạo nông thôn có nhiều khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn từng bước được nâng cao.

1.2. Phát triển kinh tế cửa khẩu

Kinh tế cửa khẩu tiếp tục phát triển nhanh, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Hệ thống quy hoạch các khu vực cửa khẩu, khu chức năng của Khu kinh tế cửa khẩu đã cơ bản hoàn thiện¹⁰, các khu vực cửa khẩu đã được lập quy hoạch chung, một phần diện tích quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2.000 và 1/500 đáp ứng công tác quản lý nhà nước về quy hoạch nhằm phục vụ công tác xây dựng kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư, quản lý đất đai, quy hoạch khu dân cư, bảo đảm yêu cầu quản lý biên giới, cửa khẩu. Kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu được quan tâm đầu tư xây dựng đồng bộ, năng lực thông quan hàng hoá tiếp tục được nâng lên, tạo môi trường khuyến khích hoạt động xuất nhập khẩu và thu hút đầu tư. Tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, các chương trình dự án trọng điểm, các ngành kinh tế mũi nhọn tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội; tổng vốn đầu tư xây dựng Khu KTCK cả giai đoạn đạt trên 10.000 tỷ đồng, tăng hơn 6.000 tỷ đồng so với giai đoạn trước. Môi trường đầu tư được cải thiện, nhiều dự án quan trọng, quy mô lớn đã được triển khai, hoàn thiện và đưa vào sử dụng¹¹; hỗ trợ các nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư ngoài ngân sách¹². Một số mô hình mới được triển khai tạo động lực thúc đẩy kinh tế cửa khẩu như: Thí điểm xây dựng cửa khẩu thông minh tại Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị; Công viên logistics Viettel Lạng Sơn; dự án "Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Khu hợp tác thương mại, du lịch Tân Thanh (Việt Nam) - Pò Chài (Trung Quốc).

⁸ Toàn tỉnh hiện có 1.036,5 ha cây mắc ca; trên 200 ha cây hạt dẻ

⁹ Trong đó: Ngân sách Trung ương: 960,323 tỷ đồng (chiếm 2,40%); Ngân sách địa phương: 959,168 tỷ đồng (chiếm 2,40%); vốn lồng ghép: 5.748,682 tỷ đồng (chiếm 14,36%); vốn tín dụng khoảng 31.838 tỷ đồng (chiếm 79,53%); vốn huy động của các tổ chức, doanh nghiệp đóng góp trên 111 tỷ đồng (chiếm 0,28%); đóng góp của cộng đồng, người dân: 413,359 tỷ đồng (chiếm 1,03%).

¹⁰ Đã triển khai lập 08 đồ án quy hoạch khu vực cửa khẩu: Trong đó đã phê duyệt 04/08 đồ án; đang triển khai thực hiện 02/08 đồ án ((1) Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2045; (2) Quy hoạch chung xây dựng Khu vực cửa khẩu Chi Ma đến năm 2045; còn 02/08 đồ án thực hiện sau khi đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn được phê duyệt.

¹¹ Đường Bản Giằng; đường phục vụ xuất nhập khẩu, đầu nối từ cửa khẩu Tân Thanh với khu kiểm soát Khả Phong (Trung Quốc); mở rộng tuyến đường xuất nhập khẩu cửa khẩu song phương Chi Ma; đường nội bộ khu vực cửa khẩu Bình Nghi; mở rộng đường vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1119-1120 cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị,...

¹² Dự án Khu phi thuế quan giai đoạn 1, Dự án khu trung chuyển hàng hóa, Dự án Khu chế xuất 1; dự án khách sạn sân golf Hoàng Đồng - Lạng Sơn; các dự án khu đô thị: Khu đô thị mới Đông Kinh; Hữu Lũng; Green Garden,... Thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư Cảng cạn xã Yên Trạch, Cảng cạn Tân Thanh,...

Các biện pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu được triển khai đồng bộ, hiệu quả; thủ tục hành chính từng bước được đơn giản hóa, ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, điều hành hoạt động xuất nhập khẩu đã tạo sự công khai, minh bạch, giảm chi phí, thời gian cho người dân, doanh nghiệp; hoạt động thông quan hàng hóa, xuất nhập khẩu đạt nhiều kết quả tích cực; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa các loại hình giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 264,6 tỷ USD¹³, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu mở tờ khai tại Hải quan Lạng Sơn ước đạt trên 24,2 tỷ USD. Xuất khẩu hàng hóa địa phương ước đạt 780 triệu USD, bình quân hằng năm tăng 8,81%¹⁴.

1.3. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng qua các năm, dự ước năm 2025 tăng 6,15% so với năm 2024. Tiếp tục khai thác tốt lợi thế trong các lĩnh vực tinh có lợi thế như: Sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng, than, điện, chế biến nông, lâm sản... trong kỳ, tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp chủ yếu do các doanh nghiệp sản xuất lớn¹⁵ và các nhà máy thủy điện, các cơ sở sản xuất và chế biến nông, lâm sản. Đã hình thành một số năng lực sản xuất mới như: Các nhà máy thủy điện nhỏ¹⁶; cơ sở sản xuất, chế biến gỗ, nhựa thông tại các huyện (cũ): Hữu Lũng, Lộc Bình, Đình Lập; các cơ sở khai thác, chế biến vật liệu xây dựng phục vụ thi công các dự án giao thông trọng điểm đóng góp vào phát triển công nghiệp. Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư khảo sát, lập đề xuất các dự án điện gió, điện sinh khối.

1.4. Thương mại, dịch vụ, du lịch

Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển khá toàn diện. Hệ thống phân phối hàng hóa phát triển đa dạng, rộng khắp, hạ tầng thương mại được quan tâm đầu tư hoàn thiện đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và phục vụ sản xuất¹⁷. Tập trung phát triển thương mại nội địa, thương mại biên giới, thương mại điện tử, dịch vụ logistics; đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ số, ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, chú trọng phát triển các loại hình dịch vụ mới, đem lại giá trị gia tăng cao. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2025 ước đạt 43.368 tỷ đồng, gấp 2,0 lần năm 2020, bình quân hằng năm tăng 15,98%. Hoạt động vận tải đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của Nhân dân¹⁸. Mạng lưới bưu chính, viễn thông tiếp tục phát triển, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt, chuyển phát kịp thời, chất lượng ổn định¹⁹. Hệ thống ngân hàng phát triển hiệu quả²⁰; mạng lưới

¹³ Trong đó năm 2021 đạt 30,6 tỷ USD; năm 2022 đạt 25,5 tỷ USD; năm 2023 đạt 51,9 tỷ USD; năm 2024 đạt 68,58 tỷ USD; năm 2025 ước đạt 88 tỷ USD.

¹⁴ Các mặt hàng địa phương xuất khẩu chủ yếu, gồm: Hoa hồi, nhựa thông, thạch đen, ván bóc clinker và các mặt hàng nông, lâm sản.

¹⁵ Như: Nhà máy xi măng Đồng Bành, Công ty Nhiệt điện Na Dương, Công ty Than Na Dương,...

¹⁶ Khánh Khê, công suất 7MW; Bản Nhùng (Kỳ Cùng 6), công suất 13MW; Bản Lải, công suất 7MW.

¹⁷ Trên địa bàn tỉnh hiện có 03 Trung tâm thương mại, 05 siêu thị hạng 3; 82 chợ (02 chợ hạng 1, 11 chợ hạng 2 và 69 chợ hạng 3); 114 cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

¹⁸ Lượng luân chuyển hành khách bình quân hằng năm tăng 13,11%, luân chuyển hàng hóa giảm 1,06%.

¹⁹ Doanh thu bưu chính năm 2025 ước đạt 210 tỷ đồng, doanh thu viễn thông 970 tỷ đồng.

thanh toán hiện đại, rộng khắp, đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội²¹. Tích cực tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi sau dịch bệnh; tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn vay với lãi suất hợp lý để hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh. Tốc độ tăng trưởng bình quân huy động vốn hằng năm ước đạt 12,9%, dư nợ tín dụng đạt 8,3%, nợ xấu hằng năm được kiểm soát dưới mức 2%.

Hoạt động du lịch phát triển cả về lượng khách, loại hình dịch vụ, doanh thu và chất lượng phục vụ. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ du lịch tiếp tục được đầu tư nâng cấp và dần hoàn thiện²², công tác quảng bá thương hiệu du lịch, sản phẩm du lịch được tăng cường; chất lượng dịch vụ từng bước được nâng cao, liên kết phát triển du lịch được chú trọng. Nhiều dự án lớn, trọng điểm đầu tư vào du lịch đang hoàn thiện các thủ tục và triển khai thực hiện. Công viên địa chất Lạng Sơn được công nhận là Công viên địa chất toàn cầu UNESCO, mở ra cơ hội lớn để thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế. Nhiều điểm du lịch của tỉnh đã được nhận giải thưởng quốc tế như: Điểm du lịch cộng đồng Hữu Liên và cụm Homestay xã Yên Thịnh với giải thưởng Du lịch cộng đồng ASEAN; Làng văn hóa du lịch cộng đồng Quỳnh Sơn được lựa chọn nhận giải thưởng Làng Du lịch Tốt nhất năm 2025 của Tổ chức Du lịch Liên hợp quốc đã tạo tiền đề để các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước biết đến. Lượng khách và doanh thu từ khách du lịch tăng đều qua các năm; tổng lượng khách du lịch 5 năm ước đạt trên 17,6 triệu lượt, gấp 1,4 lần giai đoạn trước, tính riêng năm 2025 ước đạt 4.400 nghìn lượt khách, gấp 2,7 lần năm 2020, doanh thu đạt 4.500 tỷ đồng, gấp 7 lần năm 2020. Tỷ lệ đóng góp của ngành du lịch vào tổng sản phẩm trên địa bàn tăng qua các năm²³.

1.5. Huy động vốn đầu tư phát triển và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; công tác lập quy hoạch

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, đô thị, khu, cụm công nghiệp được chú trọng đầu tư, nâng cấp. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 181,7 nghìn tỷ đồng. Khởi công nhiều dự án giao thông có tính kết nối liên vùng, dự án khu, cụm công nghiệp quan trọng như: Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng; cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng), cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B đoạn Km3+700-Km18 và đoạn Km18-Km80; dự án Khu công nghiệp VSIP Lạng Sơn, các cụm công nghiệp: Đình Lập, Hồ Sơn 1, Hòa Sơn 1, Bắc Sơn 2; hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng Khu trung chuyển hàng hoá giai đoạn 1, Công viên logistics Viettel,... hoàn thành đưa vào sử dụng một số

²⁰ Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 16 chi nhánh tổ chức tín dụng cấp 1, có 12 chi nhánh cấp 2, có 58 phòng giao dịch; chi nhánh NHCSXH tỉnh có mạng lưới điểm giao dịch được mở đến 100% xã, phường; có 98 máy ATM/CDM/CRM; 321 thiết bị POS.

²¹ Dự ước đến hết năm 2025 tổng huy động vốn các ngân hàng thương mại đạt 57.310 tỷ đồng; tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn đạt 50.127 tỷ đồng.

²² Toàn tỉnh có 54 điểm du lịch cấp tỉnh; có 303 cơ sở lưu trú du lịch khoảng trên 4.140 buồng lưu trú, trong đó có 420 buồng đạt tiêu chuẩn xếp hạng từ 3 - 5 sao; có trên 8.900 lao động trong lĩnh vực du lịch, trong đó có 3.900 lao động trực tiếp; có 16 doanh nghiệp lữ hành quốc tế và nội địa.

²³ Năm 2020 đạt 1,3%, năm 2021 đạt 1,5%, năm 2022 đạt 3,5%, năm 2023 đạt 4,8%, năm 2024 dự kiến đạt 5,4% và dự ước năm 2025 đạt 5,5%.

dự án đường tỉnh, đường huyện và đường tuần tra biên giới²⁴; hoàn thành và đưa vào phát điện 03 nhà máy thủy điện. Ước hết năm 2025, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông, tăng 12,7% so với năm 2020, tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt 91%, tăng 26%. Hạ tầng đô thị được quan tâm đầu tư, quy mô và chất lượng hạ tầng đô thị tăng lên²⁵. Trong nhiệm kỳ đã thành lập 01 khu công nghiệp và 09 cụm công nghiệp, lũy kế toàn tỉnh có 02 khu và 10 cụm công nghiệp. Hoàn thành đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp 03 trung tâm y tế tuyến huyện và 50 trạm y tế tuyến xã theo chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Quy hoạch và kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đến nay 100% đô thị trên địa bàn tỉnh đã được lập quy hoạch chung đô thị, 44,4% đô thị được lập quy hoạch phân khu; lập quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chi tiết khu đô thị mới làm cơ sở pháp lý cho việc lập dự án đầu tư xây dựng²⁶. Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất, phương án phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 cho các huyện, thành phố theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

1.6. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã và thu hút đầu tư

Công tác phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã và xúc tiến đầu tư được chú trọng; nhiều giải pháp nắm bắt tình hình, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi sau dịch bệnh đã được triển khai như: Thành lập các tổ công tác hỗ trợ hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất kinh doanh tại các huyện, thành phố; hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh; thực hiện chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn... hàng năm tổ chức các hội nghị gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp, hợp tác xã; triển khai hiệu quả các chính sách về miễn, giảm tiền thuế, tiền thuê đất, mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp, hợp tác xã theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội,...

Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện tạo điều kiện thu hút đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tăng 33 bậc so với năm 2020. Trong 5 năm đã thành lập mới 3.334 doanh nghiệp, gấp 1,7 lần so với giai đoạn trước, tổng vốn đăng ký 32.275 tỷ đồng, gấp

²⁴ Đường Trung Thành - Tân Minh đấu nối đường tuần tra biên giới; đường Bản Ngõa - Xã Thước - Bản Lầy - Pắc Lẻ; hạng mục cải tạo nút giao thông phía Bắc cầu Kỳ Cùng; đường giao thông Khu phi thuế quan; kè bảo vệ bờ sông Kỳ Cùng giai đoạn III; cải tạo sửa chữa đường tỉnh ĐT. 239 (Pác Ve - Điềm He), đường đến trung tâm các xã một số huyện.

²⁵ Toàn tỉnh có tổng số 15 đô thị, trong đó: 01 đô thị loại II, 01 đô thị loại IV và 13 đô thị loại V; tỷ lệ đô thị hoá năm 2025 ước đạt 30%, tăng 6,93% so với năm 2020.

²⁶ Phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đối với 11/15 đô thị; 02 quy hoạch chung khu chức năng; 04 đồ án quy hoạch phân khu; 02 nhiệm vụ quy hoạch phân khu; 09 nhiệm vụ và dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng vùng huyện; 02 quy hoạch xây dựng vùng huyện (Đình Lập và Hữu Lũng); 13 đề án phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh; 10 đề cương Chương trình phát triển đô thị; phê duyệt 07 Chương trình phát triển đô thị (thị trấn Thất Khê, thị trấn Hữu Lũng, thị trấn Nông trường Thái Bình, thị trấn Đình Lập, thị trấn Văn Quan, thị trấn Lộc Bình, thị trấn Bắc Sơn).

2,6 lần so với giai đoạn trước; dự ước hết năm 2025 toàn tỉnh có 5.700 doanh nghiệp, gấp 1,7 lần năm 2020. Kinh tế tập thể được quan tâm phát triển, thành lập mới 281 hợp tác xã, 01 liên hiệp hợp tác xã²⁷.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 05 doanh nghiệp Nhà nước, trong đó có 02 doanh nghiệp 100% vốn nhà và 03 doanh nghiệp có vốn Nhà nước. Các doanh nghiệp Nhà nước của tỉnh cơ bản duy trì hoạt động ổn định, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh và công ích được giao, góp phần đảm bảo nguồn thu ngân sách và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư, xúc tiến thương mại được chú trọng, thường xuyên tổ chức các hội chợ, triển lãm, tiếp xúc doanh nghiệp có tiềm năng kêu gọi đầu tư, phổ biến các luật mới ban hành, các hội thảo nâng cao chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh, cải cách thủ tục hành chính (năm 2024 chỉ số PCI xếp hạng 16/63, tăng 33 bậc so với năm 2020). Tổ chức thành công Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Lạng Sơn năm 2024 kết hợp công bố Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn đến đầu tư và khảo sát đề xuất, đăng ký đầu tư. Giai đoạn 2021 - 2025, đã thu hút 73 dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh với tổng vốn trên 25.698 nghìn tỷ đồng. Hiện có 22 dự án có vốn đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký 417,32 triệu USD; đã phê duyệt 22 dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO), viện trợ nhân đạo trị giá 1,61 triệu USD; tiếp nhận 36 khoản viện trợ phi dự án, viện trợ nhân đạo tổng trị giá 2.18 triệu USD.

1.7. Công tác thu - chi ngân sách

Công tác quản lý, điều hành ngân sách được quan tâm chỉ đạo đúng quy định, chủ động, linh hoạt, hiệu quả. Các giải pháp thu ngân sách được triển khai đồng bộ, tập trung tăng cường chống thất thu thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, tăng cường các biện pháp xử lý nợ thuế, thực hiện quyết liệt công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, áp dụng hóa đơn điện tử, đẩy mạnh đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất thu tiền sử dụng đất đối với các dự án để tạo nguồn lực đầu tư phát triển. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 5 năm 2021 - 2025 ước đạt 54.449,1 tỷ đồng, tăng 72,8% so với giai đoạn trước²⁸, trong đó thu nội địa 15.972 tỷ đồng, bình quân hàng năm tăng 6,23%; tính riêng năm 2025 tổng thu ngân sách ước đạt 18.063,8 tỷ đồng, gấp 2,4 lần năm 2020, trong đó thu nội địa 4.000 tỷ đồng, gấp 1,4 lần năm 2020, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 13.300 tỷ đồng, gấp 3 lần năm 2020. Chi ngân sách quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, ưu tiên cho mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội, an ninh quốc phòng; tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng giảm chi thường xuyên, dành nguồn tăng chi đầu tư và các chương trình mục tiêu quốc gia. Chi thường xuyên được duy trì, đảm bảo cho công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai, hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, an sinh xã hội và hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi. Tổng chi ngân sách địa phương 5 năm ước đạt 88.750 tỷ đồng, tăng 82% so với giai đoạn trước, trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương là 68.849 tỷ đồng, chiếm 77,57% tổng chi ngân sách địa

²⁷ Ước tính hết năm 2025 toàn tỉnh có khoảng 5.700 doanh nghiệp, gấp 1,8 lần so với năm 2020; có 566 hợp tác xã, tăng 321 hợp tác xã so với năm 2020.

²⁸ Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2020 là 32.082 tỷ đồng.

phương; chi các chương trình mục tiêu và nhiệm vụ khác 19.901 tỷ đồng, chiếm 22,43%.

2. Phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội

2.1. Giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Quy mô, mạng lưới trường, lớp được sắp xếp hợp lý, đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, giảm 45 trường, 125 điểm trường so với năm 2020. Chất lượng giáo dục các cấp học được nâng lên, tỷ lệ học sinh giỏi các cấp tăng dần; tỷ lệ tốt nghiệp Trung học phổ thông và trúng tuyển đại học, cao đẳng, trung cấp tăng qua các năm²⁹. Tỷ lệ huy động trẻ mầm non ra lớp và học sinh phổ thông tới trường được duy trì trên 99%. Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, sách giáo khoa mới hiệu quả và đảm bảo tiến độ. Kết quả phổ cập giáo dục các cấp học, xóa mù chữ được duy trì và nâng cao. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thường xuyên được bồi dưỡng, chuẩn hóa, đảm bảo về số lượng và chất lượng³⁰; bố trí cơ cấu hợp lý, cơ bản đáp ứng yêu cầu Đề đảm bảo giáo viên giảng dạy các môn học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, ngoài biên chế được giao, thực hiện biệt phái giáo viên, cử giáo viên dạy liên trường và đăng ký chỉ tiêu hợp đồng giáo viên theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP³¹. Chú trọng đầu tư, kiên cố hóa trường lớp học, cơ sở vật chất cho dạy và học. Đã công nhận mới 86 trường, công nhận lại 232 trường, toàn tỉnh có 318 trường học đạt chuẩn quốc gia, chiếm 50,1%, tăng 16,6% so với năm 2020. Triển khai, nhân rộng mô hình trường học hạnh phúc đạt tỷ lệ 100%. Các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập trở thành phong trào sôi nổi, có sức lan toả mạnh mẽ; quan tâm đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục³².

Công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được quan tâm. Đã thực hiện sắp xếp lại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện; sắp xếp lại các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh. Công tác định hướng, phân luồng học sinh sau THCS, THPT được quan tâm thực hiện từ tỉnh đến cơ sở, tạo chuyển biến mạng mẽ tư duy và quan điểm của người dân về học nghề lập nghiệp; đã đào tạo trên 90 nghìn lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%, tăng 9% so với năm 2020, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30%.

²⁹ Kết quả kỳ thi học sinh giỏi THPT quốc gia tăng 54 giải so với giai đoạn 2015-2020. Tỷ lệ tốt nghiệp THCS đạt 100%; tỷ lệ tốt nghiệp THPT được duy trì ổn định trên 99% mỗi năm. Học sinh, học viên đỗ vào các trường cao đẳng, đại học trong nước đạt trên 35% (riêng năm 2024 và 2025 đều đạt trên 38%), tăng trên 15% so với giai đoạn 2015 - 2020.

³⁰ Tỷ lệ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên 96,88% (trong đó: Cấp Mầm non 97,5%, Tiểu học 91,09%, THCS 95,81%, THPT 100%, cơ quan quản lý giáo dục 100%), tăng 29,26% so với giai đoạn 2015-2020. Tỷ lệ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có trình độ trên chuẩn đạt 26,21% (trong đó tiến sĩ 0,044%, thạc sĩ 3,68%, đại học cấp mầm non 23,69%) tăng 8,73%.

³¹ Đến hết năm học 2024-2025, có trên 487 lượt giáo viên được cử dạy liên trường, có 34 lượt giáo viên được biệt phái, hợp đồng 533 giáo viên.

³² Huy động các nguồn lực để giúp đỡ, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh nghèo vượt khó với 167 tỷ đồng và hơn 155 tấn gạo. Tổ chức phát động nhiều phong trào quyên góp và hỗ trợ từ các tổ chức và cá nhân, như: Phong trào “Hũ gạo tình thương”, Chương trình “Nâng bước em đến trường”, Chương trình “Vì em hiếu học”, Chương trình “Sống và máy tính cho em”, hỗ trợ đồng bào bị thiên tai, dịch bệnh trên 300 tỷ đồng. Vận động hỗ trợ xây dựng, sửa chữa các trường học, phòng học tại các xã biên giới, các xã khó khăn, các trường, lớp bị thiệt hại do thiên tai, bão lũ được 124 trường, với số tiền hơn 68 tỷ đồng và nhiều hiện vật khác.

2.2. Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác y tế dự phòng được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, mạng lưới y tế dự phòng được củng cố cả về cơ sở vật chất và con người, năng lực giám sát dịch bệnh được nâng lên, chủ động phòng, chống các dịch bệnh nhất là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, dịch bệnh mới nổi³³, đặc biệt đã kiểm soát, khống chế thành công dịch bệnh COVID-19³⁴; công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em được quan tâm, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng hàng năm luôn đạt trên 95%. Công tác phòng, chống ngộ độc thực phẩm được triển khai đồng bộ; không có vụ ngộ độc thực phẩm lớn xảy ra. Chất lượng khám chữa bệnh ngày càng được nâng lên, nhiều kỹ thuật tiên tiến hiện đại của tuyến trung ương đã được triển khai giúp giảm tình trạng người bệnh phải chuyển lên tuyến trên. Tỷ lệ thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến tại các bệnh viện đạt trên 90%; 100% Trạm Y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế và thực hiện được 76% danh mục dịch vụ kỹ thuật của tuyến xã; tỷ lệ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế hằng năm đạt trên 80%.

Đẩy mạnh tự chủ và xã hội hóa tại các sở sở y tế công lập để phát triển chuyên môn kỹ thuật, nâng cao chất lượng dịch vụ và chăm sóc người bệnh, đến nay có 01/21 đơn vị tự chủ nhóm 1, có 03/21 đơn vị tự chủ nhóm 2 và 18/21 đơn vị tự chủ chi thường xuyên theo các mức độ. Chuyển đổi số mạnh mẽ trong các cơ sở y tế³⁵. Mạng lưới y tế tư nhân phát triển mạnh mẽ³⁶. Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản cho người dân được đẩy mạnh. Các mục tiêu về y tế cơ bản hoàn thành, hết năm 2025 có 100% xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 12,5 bác sĩ và 34 giường bệnh/1 vạn dân, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 95%; tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%.

2.3. Văn hóa, thể dục - thể thao

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" được triển khai đồng bộ, sâu rộng, đạt nhiều kết quả quan trọng; tập trung xây dựng văn hóa, con người Lạng Sơn phát triển toàn diện với các giá trị truyền thống,

³³ Các dạng cúm, hội chứng hô hấp trung đông (MERS), hội chứng suy hô hấp cấp tính do vi rút corona (SARS), bệnh đậu mùa khỉ, Chikungunya...sởi, sốt xuất huyết

³⁴ Kết quả thực hiện tính từ ngày 06/5/2021 đến ngày 15/10/2023 trên toàn tỉnh ghi nhận 161.307 ca mắc (trong đó 996 ca mắc lần 2; 41 ca mắc lần 3 được báo cáo); đã khỏi bệnh 161.206 ca; tử vong 101 ca); hoàn thành chiến dịch tiêm vắc xin trên địa bàn tỉnh cho các đối tượng với tổng số 2.109.063 mũi tiêm (trong đó 1.712.809 mũi tiêm cho đối tượng từ 18 tuổi trở lên/04 mũi tiêm/01 người; 197.695 cho đối tượng từ 12 - 17 tuổi/02 mũi tiêm/01 người và 198.559 cho đối tượng từ đủ 05 - 12 tuổi/02 mũi tiêm/01 người). Tỷ lệ tiêm chủng vắc xin Covid-19 thuộc nhóm 15 tỉnh có tỷ lệ tiêm chủng nhanh và cao so với cả nước

³⁵ Đến nay 100% cơ sở khám, chữa bệnh công lập duy trì thực hiện kê đơn thuốc, bệnh án điện tử; duy trì kết nối liên thông dữ liệu thực hiện cấp chứng sinh, chứng tử điện tử cho công dân; triển khai khám chữa bệnh bằng CCCD và ứng dụng VNeID; thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, 96% dân số được lập hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân trên phần mềm

³⁶ Toàn tỉnh có 287 cơ sở hành nghề y, tăng 21,6% so với năm 2020 (236 cơ sở) và 518 cơ sở kinh doanh được, tăng 24,2% (417 cơ sở); 15 cơ sở tiêm chủng ngoài công lập và 01 Bệnh viện đa khoa tư nhân đang xây dựng, dự kiến hoàn thành năm 2025.

hiện đại và nhân văn, trở thành động lực tinh thần quan trọng thúc đẩy sự phát triển của tỉnh; các thiết chế văn hóa tiếp tục được đầu tư, năm 2025, có 68% xã, phường có nhà văn hóa, tăng 20% so với năm 2020; có 80% thôn có nhà văn hóa đạt chuẩn. Công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc được chú trọng, đã trùng tu, tôn tạo, phục hồi 40 di tích xếp hạng các cấp từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn xã hội hóa; bảo tồn, phát triển và phục dựng, tái tạo nhiều loại hình lễ hội, dân ca, trò chơi truyền thống góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc. Triển khai tốt các các chương trình, đề án, dự án về công tác gia đình.

Phong trào thể dục - thể thao quần chúng phát triển mạnh mẽ thu hút đông đảo các tầng lớp Nhân dân tham gia, tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 37,6% dân số; tỷ lệ gia đình luyện tập thể dục thể thao đạt 31,7%; thể thao thành tích cao đạt nhiều thành tích nổi bật³⁷. Các hoạt động báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, văn học nghệ thuật có nhiều chuyển biến tích cực; chất lượng phát sóng phát thanh, truyền hình được nâng lên, chú trọng các chương trình phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc và các chương trình nông nghiệp, nông thôn, phát triển kinh tế - xã hội³⁸

2.4. Công tác giảm nghèo, việc làm và an sinh xã hội

Công tác giảm nghèo, tạo việc làm và đảm an sinh xã hội được tập trung chỉ đạo thực hiện. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được thực hiện hiệu quả, đồng bộ gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới và chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 7,88% năm 2020 xuống còn 1,36% năm 2025, bình quân hàng năm giảm 2,71%; đã có 47/88 xã và 315/644 thôn thoát khỏi diện đặc biệt khó khăn, đạt mục tiêu Trung ương giao.

Thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Chú trọng giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động, đã giải quyết việc làm mới cho 85,1 nghìn lao động. Các chính sách đối với người có công được quan tâm triển khai thực hiện³⁹. Mở rộng diện bao phủ, nâng cao hiệu quả hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi đạt 46%. Công tác phát triển nhà ở xã hội được quan tâm; hoàn thành Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát đúng thời gian Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đã xóa xong toàn bộ 6.508 nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh.

³⁷ Đại hội Thể thao toàn quốc, đoàn Lạng Sơn xếp thứ 47/65 tỉnh, thành, ngành toàn quốc và xếp thứ 08/19 tỉnh miền núi; lần đầu tiên tỉnh có vận động viên đạt 01 Huy chương vàng, 03 Huy chương đồng môn Wushu tại hai kỳ SEA Games liên tiếp. VĐV Nông Văn Hữu tham dự giải vô địch Wushu châu Á tại Macao đạt 01 huy chương Đồng và đạt đủ điều kiện tham gia giải Vô địch Wushu thế giới tổ chức tháng 10 năm 2024 tại Nhật Bản. VĐV Lương Thị Thanh Tuyền tham dự giải Vô địch Cờ tạ thanh thiếu niên Quốc gia đạt 03 huy chương vàng được tham gia đội tuyển trẻ quốc gia, dự giải Vô địch Cờ tạ trẻ châu Á tại Doha, Qatar đạt 1 HCB và 1 HCD. VĐV Lương Thị Khanh đạt 1 HCV Điền kinh trẻ Đông nam Á tại Malaysia.

³⁸ Năm 2025, tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam đạt trên 95%, nghe đài tiếng nói Việt Nam đạt 100%.

³⁹ Tổ chức các hoạt động thăm hỏi nhân dịp tết Nguyên đán, kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sĩ, hỗ trợ xây dựng và sửa chữa 1.175/1180 hộ người có công khó khăn về nhà ở, tổng kinh phí hỗ trợ 32,24 tỷ đồng; chi trả trợ cấp hàng tháng bình quân cho 3.600 người có công và thân nhân, kinh phí hàng tháng 8,5 tỷ đồng,...

Các chính sách về dân tộc, tôn giáo thực hiện kịp thời, đúng quy định; đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, đồng bào tôn giáo từng bước được cải thiện và nâng cao; khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố, tăng cường. Tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

3. Phát triển khoa học - công nghệ và chuyển đổi số

Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống được chú trọng. Đảm bảo tiến độ 109 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kết quả các đề tài, dự án đã góp phần tạo ra những sản phẩm có sức cạnh tranh và hiệu quả cao đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực, đặc sản có thể mạnh của tỉnh. Triển khai hiệu quả Đề án triển khai Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030, giai đoạn 2021 – 2025, đã hỗ trợ đăng ký tài sản trí tuệ cho 44 sản phẩm đặc sản của địa phương trong đó: 04 Chỉ dẫn địa lý, 08 Nhãn hiệu chứng nhận; 32 Nhãn hiệu tập thể, góp phần nâng cao uy tín, chất lượng và giá trị của sản phẩm đem lại hiệu quả kinh tế cao, có sức cạnh tranh tạo tiền đề và cơ hội cho việc tìm kiếm mở rộng thị trường cho các sản phẩm, hàng hóa. Thành lập và đưa vào hoạt động có hiệu quả khu làm việc chung hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Lạng Sơn. Tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các cuộc thi, hội thi sáng tạo kỹ thuật⁴⁰. . Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các tầng lớp nhân dân được đẩy mạnh và mang lại hiệu quả thiết thực. Công tác quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, an toàn bức xạ được tăng cường.

Công tác chuyển đổi số tiếp tục được tổ chức triển khai toàn diện, rộng khắp và đạt kết quả cao trên cả 05 trụ cột⁴¹. Các nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được duy trì sử dụng hiệu quả phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh; triển khai hiệu quả nhiều nền tảng số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh cũng như phục vụ người dân và doanh nghiệp⁴², duy trì kết nối Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư với Cổng dịch vụ công của tỉnh và cung cấp dịch vụ “xác thực thông tin công dân”, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức trong thực hiện TTHC. Kinh tế số, xã hội số được quan tâm và đạt được những kết quả tích cực⁴³. Hạ tầng số được triển

⁴⁰ Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã có 144 dự án dự thi với 48 dự án đạt giải cấp tỉnh; Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Lạng Sơn đã có 218 dự án dự thi với 47 dự án đạt giải cấp tỉnh; Cuộc thi sáng tạo dành cho thanh thiếu niên, nhi đồng đã có 595 dự án dự thi với 101 dự án đạt giải cấp tỉnh.

⁴¹ Gồm: Chuyển đổi số trong cơ quan Đảng, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và cửa khẩu số.

⁴² Nền tảng điện toán đám mây Make-in-VietNam (Lạng Sơn Cloud), từng bước đưa các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh quản lý tập trung thống nhất tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) hoạt động ổn định phục vụ việc kết nối, liên thông, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; Nền tảng Công dân số Xứ Lạng, Trợ lý ảo (Chatbot) hỗ trợ, hướng dẫn tra cứu, thực hiện giải quyết TTHC/DVCTT tiếp tục được duy trì; Nền tảng trợ lý ảo Công chức số Xứ Lạng được triển khai, hỗ trợ công chức trong môi trường làm việc.

⁴³ 100% các trường học triển khai các ứng dụng số, 100% bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế huyện/thành phố triển khai thanh toán không dùng tiền mặt và sử dụng phần mềm quản lý thông tin bệnh viện; trên 76% dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử, có thể thực hiện các giao dịch chuyển khoản, thanh toán trực

khai đồng bộ, hiện đại, sẵn sàng đáp ứng quá trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh, đã phát triển được thêm 354 trạm BTS mới trong đó có 36 trạm phát sóng 5G xóa được 244 điểm lồi sóng, sóng yếu không ổn định. Lạng Sơn là tỉnh triển khai Nền tảng cửa khẩu số đầu tiên trên toàn quốc (từ 21/02/2022) thúc đẩy hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu⁴⁴; nhiều giải pháp về chuyển đổi số đã được ghi nhận và trao tặng các giải thưởng⁴⁵. Lạng Sơn luôn nằm trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về chỉ số chuyển đổi số.

4. Bảo vệ tài nguyên - môi trường

Các nguồn tài nguyên, khoáng sản được quy hoạch, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường. Công tác quản lý đất đai được tăng cường, đã ban hành văn bản cụ thể hóa 20 nội dung được giao trong Luật Đất đai năm 2024 và nội dung các Nghị định hướng dẫn chi tiết Luật đất đai làm cơ sở triển khai các nhiệm vụ. Các chỉ tiêu sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được triển khai đúng quy định. Thực hiện tốt công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo đúng quy định⁴⁶. Công tác quản lý khai thác khoáng sản, tài nguyên nước được đẩy mạnh, đã cấp 16 giấy phép thăm dò khoáng sản; cấp và điều chỉnh 18 giấy phép khai thác khoáng sản; phê duyệt trữ lượng 13 điểm mỏ; trả lại giấy phép 04 mỏ; ban hành 05 quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản; phê duyệt tiền cấp quyền khai thác với tổng số tiền 171,3 tỷ đồng, cấp 131 giấy phép tài nguyên nước.

Công tác bảo vệ môi trường được chú trọng, định kỳ hằng năm thực hiện 02 cuộc quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh, ngoài ra 04 trạm quan trắc môi trường tự động, 10 trạm quan trắc khí thải và nước thải của các doanh nghiệp liên tục cập nhật và truyền dữ liệu trực tiếp đến các cơ quan chuyên môn của tỉnh để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về môi trường; tỉnh đã đầu tư xây dựng 02 nhà máy xử lý nước thải tập trung, phê duyệt 91 báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án; cấp giấy xác nhận đăng ký kế hoạch, cam kết bảo vệ môi trường của 14 dự án; xác nhận công trình bảo vệ môi trường 01 dự án; cấp/cấp lại 08 sổ chủ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại cho các cơ

tiếp trên các thiết bị thông minh; trên 90% điểm kinh doanh cố định có dịch vụ thanh toán qua mã QR Code; 100% doanh nghiệp khai báo hóa đơn điện tử; tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp qua mạng đạt 100%...

⁴⁴ Năm 2022 năng lực thông quan tại khu vực cửa khẩu (bao gồm cửa khẩu Hữu Nghị và cửa khẩu Tân Thanh là hai cửa khẩu thực hiện thí điểm của khẩu số) là 527 xe/ngày đến năm 2025 sau khi cửa khẩu số chính thức đi vào hoạt động, năng lực thông quan tại hai cửa khẩu này đạt trên 1.201 xe/ngày tăng 128%.

⁴⁵ Lạng Sơn và VNPT nhận giải thưởng Viet Solutions 2022 - Bài toán và giải pháp chuyển đổi số xuất sắc cho địa phương, là 01 trong 07 cơ quan, đơn vị trong toàn quốc đạt giải thưởng “Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc”, là 01 trong 05 tỉnh, thành phố trên cả nước được tôn vinh về cung cấp dịch vụ công trực tuyến tốt nhất; năm 2024, Hội truyền thông số Việt Nam dưới sự bảo trợ của Bộ Thông tin và Truyền thông đã bình chọn, trao giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam (VietNam Digital Awards-VDA) đối với 02 giải pháp: Giải pháp Tổ Công nghệ số cộng đồng và Giải pháp chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn; Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam đã bình chọn, trao giải “Top Công nghiệp 4.0 Việt Nam 2024”.

⁴⁶ UBND tỉnh đã ban hành 474 quyết định giao đất, thu hồi đất cho 474 tổ chức, diện tích 326,1ha; 45 quyết định thuê đất cho 45 tổ chức, diện tích 612,6ha; 15 quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất, điều chỉnh phương án bồi thường, chuyển hình thức nộp tiền thuê đất, điều chỉnh quyết định giao đất; phê duyệt giá đất cụ thể 139 dự án,... Cấp 1.908 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, được 11.597 giấy cho hộ gia đình, cá nhân

sở có phát sinh chất thải nguy hại; 50 giấy phép môi trường của các dự án, cơ sở. Hiện trạng chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh được đánh giá tốt. Quản lý chất thải và kiểm soát môi trường được quan tâm triển khai; năm 2025 tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý ước đạt 98,82%, tăng 3,82% so với năm 2020. Các giải pháp phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, triển khai hiệu quả.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân được quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, tập trung giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay tại cơ sở. Đã triển khai thực hiện và kết thúc 2.560/2.661 cuộc thanh tra, kiểm tra, phát hiện sai phạm về kinh tế 53,42 tỷ đồng và 3.044m² đất; kiến nghị xử lý thu hồi 38,82 tỷ đồng, thu hồi 3.044m² đất; giảm trừ thanh, quyết toán, giảm trừ dự toán, trả lại cá nhân, các quỹ và xử lý khác số tiền là 14,6 tỷ đồng, đã thu hồi 36,74 tỷ đồng, đạt 94,66%. Xử phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực đối với 2.084 tổ chức, cá nhân; tổng số tiền xử phạt là 13,2 tỷ đồng. Các cơ quan hành chính trong tỉnh đã tiếp 22.422 lượt/23.267 công dân; đã tiếp nhận 34.085 lượt đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh⁴⁷, trong đó tổng đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan hành chính các cấp là 1.058 đơn, đã giải quyết 1.054/1.058 đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt 99,6%. Tích cực xử lý, giải quyết các vụ việc phức tạp, tồn đọng, kéo dài; đã xem xét, giải quyết đối với 15 vụ việc.

Công tác phòng, chống tham nhũng được thực hiện đúng quy định. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng tiếp tục được quan tâm. Thực hiện kê khai, minh bạch tài sản đúng quy định⁴⁸; công tác xác minh tài sản thu nhập được thực hiện thường xuyên đảm bảo 20% số cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định. Đã thực hiện và kết thúc 61/64 cuộc thanh tra phòng, chống tham nhũng, tăng 8,5% so với giai đoạn 2016 - 2020, phát hiện vi phạm về kinh tế số tiền 6,26 tỷ đồng, giảm trừ thanh, quyết toán, giảm trừ dự toán, trả lại cá nhân, các quỹ và xử lý khác số tiền 773,49 triệu đồng, đã thu hồi 5,44 tỷ đồng, đạt 100%.

Công tác quản lý thị trường, đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có nhiều chuyển biến tích cực. Thường xuyên, chủ động phối hợp xây dựng kế hoạch, mở nhiều đợt cao điểm kiểm tra, xử lý quyết liệt các hoạt động vi phạm trên tuyến biên giới và trong nội địa, qua đó đã kiềm chế hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn, các lực lượng chức năng đã tiến hành kiểm tra, xử lý 23.528 vụ vi phạm về buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng cấm, xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 592,7 tỷ đồng.

6. Quốc phòng, an ninh và đối ngoại

⁴⁷ Trong đó đơn khiếu nại, tố cáo tiếp nhận là 2.558 đơn tăng so 71,7% so với giai đoạn 2016 -2020.

⁴⁸ Số người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập là 23.023 bản kê khai (trong đó kê khai lần đầu là 10.210 bản kê khai; kê khai hằng năm 11.869 bản; kê khai bổ sung 293 bản; kê khai phục vụ công tác cán bộ 147 bản)

Tiềm lực quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được xây dựng, củng cố ngày càng vững mạnh; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh. Tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; ứng phó kịp thời, hiệu quả với thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Tiếp tục củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang tinh theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Nâng cao chất lượng công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, huyện, diễn tập phòng thủ dân sự, diễn tập chiến đấu xã, phường trong khu vực phòng thủ hoàn thành tốt nhiệm vụ, bảo đảm an toàn; huấn luyện, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng; triển khai xây dựng đường kiểm tra cột mốc, bảo vệ biên giới, phối hợp xây dựng đường tuần tra biên giới, Khu kinh tế quốc phòng Mẫu Sơn, chốt Dân quân thường trực biên giới, căn cứ chiến đấu huyện, thành phố. Các hoạt động đối ngoại Nhân dân, đối ngoại quốc phòng, phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới được tổ chức triển khai hiệu quả với nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo⁴⁹.

An ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; sắp xếp tổ chức bộ máy công an theo hướng “tinh toàn diện, xã vững mạnh, bám cơ sở” để phục vụ Nhân dân tốt hơn. Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực, đấu tranh quyết liệt với các loại tội phạm về trật tự xã hội, ma túy, kinh tế, môi trường, không để hình thành các nhóm tội phạm có tổ chức hoạt động phức tạp⁵⁰. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các biện pháp kiềm chế, kéo giảm tai nạn giao thông; thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Triển khai hiệu quả đề án 06 của Chính phủ, đã hoàn thành cấp Căn cước công dân cho 100% công dân đủ điều kiện, kích hoạt 545.645 tài khoản định danh điện tử. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được chú trọng, đổi mới, phát huy hiệu quả; thành lập lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, bước đầu hoạt động ổn định, hiệu quả.

6.3. Công tác đối ngoại được triển khai đồng bộ, trọng tâm, trọng điểm cả trên 3 trụ cột đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Chủ động, tích cực triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế, mở rộng quan hệ hợp tác

⁴⁹ Đã xây dựng và hoàn thành 310 đường, với chiều dài 69.434m theo Đề án “Xây dựng đường kiểm tra cột mốc, bảo vệ biên giới”, giai đoạn 2023-2025 của UBND tỉnh” (Số liệu tính đến ngày 25/4/2025); lắp đặt 1.125 đèn năng lượng, tổng chiều dài 63,4km mô hình thấp sáng đường tuần tra biên giới. Các hoạt động đối ngoại Nhân dân, đối ngoại quốc phòng, phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới được tổ chức triển khai hiệu quả với nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo, như: Xây dựng mô hình điểm về phong trào quần chúng tham gia bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia tại các xã biên giới, phối hợp với chính quyền và lực lượng chức năng thực hiện hiệu quả hoạt động của cụm dân cư kết nghĩa bản - bản, xã - trấn giữa các thôn, xã biên giới, góp phần xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển bền vững, thắt chặt tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

⁵⁰ Điều tra phá án 1.847/2.149 vụ tội phạm hình sự (đạt 85,95%, giảm 6,3% so với giai đoạn 2015 - 2020). Phát hiện, bắt giữ 2.035 vụ, 3.273 đối tượng vi phạm về ma túy, thu giữ 33,9kg heroin, 490,9kg MTTT, 111.631 viên MTTH; 2.366 vụ, 2.494 đối tượng về buôn lậu, gian lận thương mại, hàng cấm, hàng giả, môi trường, an toàn thực phẩm, trị giá trên 50 tỷ đồng, trong đó đã khởi tố 342 vụ, 698 bị can về kinh tế, tham nhũng, môi trường.

hữu nghị, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác ngoại giao kinh tế và văn hóa gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đã ký 67 bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực với các đối tác nước ngoài (trong đó: 08 thỏa thuận cấp ủy Đảng, 07 thỏa thuận của chính quyền cấp tỉnh, 44 thỏa thuận quốc tế cấp sở, ngành, 08 thỏa thuận quốc tế cấp huyện); cử 204 đoàn/1.758 công chức, viên chức đi công tác nước ngoài; đón tiếp 415 đoàn/2.424 lượt khách quốc tế đến khảo sát, làm việc tại tỉnh và tham dự các sự kiện của tỉnh. Quan hệ hữu nghị, hợp tác với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) tiếp tục được tăng cường đi vào chiều sâu; phát huy hiệu quả Chương trình Gặp gỡ đầu Xuân giữa các Bí thư Tỉnh ủy - Bí thư Khu ủy và cơ chế Hội nghị Ủy ban công tác liên hợp 04 tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh, Cao Bằng, Hà Giang (Việt Nam) và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc), các cơ chế hợp tác cấp sở, ngành, huyện, thị, Nhân dân biên giới giữa Lạng Sơn và Quảng Tây, tạo thuận lợi cho thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực. Quan hệ hợp tác với các địa phương các nước đối tác, tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tiếp tục mở rộng và đạt hiệu quả cao. Hoạt động đối ngoại Nhân dân tiếp tục được đổi mới với nhiều hình thức phong phú thông qua các chương trình giao lưu giữa hai bên biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

7. Công tác cải cách hành chính

Hệ thống cơ chế, chính sách pháp luật được ban hành đồng bộ, kịp thời, sát với thực tiễn, quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được đổi mới, đã ban hành gần 500 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có 29 văn bản quy định về các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh. Thủ tục hành chính từng bước được đơn giản hóa. Cải cách tài chính công được thực hiện tích cực⁵¹. Tập trung thực hiện các giải pháp cải thiện và nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)⁵². Cơ chế một cửa, một cửa liên thông được triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở⁵³; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoạt động hiệu quả, tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt trên 99%. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, 100% TTHC được công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Trung ương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, từng bước tinh giản đầu mối

⁵¹ So với năm 2020, tỉnh đã tăng 02 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (Trung tâm y tế huyện Bắc Sơn, Trung tâm y tế huyện Hữu Lũng) và 02 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, giảm 14 đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên. Triển khai thực hiện chuyển đổi 04 đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần trong năm 2025.

⁵² Thứ hạng của Lạng Sơn so với cả nước qua các năm như sau: Chỉ số PAR INDEX: Năm 2020 xếp hạng 36/63 tỉnh, thành phố; năm 2021: 23/63; năm 2022: 54/63; năm 2023: 47/63; năm 2024: 39/63. Chỉ số SIPAS: Năm 2020: 39/63; năm 2021: 31/63; năm 2022: 59/63; năm 2023: 55/63; năm 2024: 62/63. Chỉ số PAPI: Năm 2020: 37/63; năm 2021: 4/60; năm 2022: 13/63; năm 2023: 21/63; năm 2024: 12/63.

⁵³ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh cung cấp 2.150 dịch vụ công trực tuyến tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, trong đó: 956 TTHC đủ điều kiện cung cấp DVC toàn trình; 451 TTHC đã cung cấp DVC trực tuyến toàn trình).

bên trong các cơ quan, giảm trung gian, sắp xếp tổ chức lại đơn vị sự nghiệp theo hướng tinh gọn, khắc phục chồng chéo chức năng, nhiệm vụ gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, cải cách hành chính. Triển khai kịp thời, hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 02 cấp⁵⁴, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố được cơ cấu lại; các thôn, tổ dân phố tiếp tục được sắp xếp, sáp nhập phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Các xã, phường thành lập mới kịp thời ổn định tổ chức bộ máy, nhân sự, vận hành đồng bộ, thông suốt và tổ chức thành công đại hội đảng bộ xã, phường nhiệm kỳ 2025 - 2030 đúng kế hoạch. Giai đoạn 2021 - 2025, đã sắp xếp giảm 05 Sở, 01 tổ chức hành chính thuộc UBND tỉnh; giảm 18 phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở, ban, ngành; 09 Chi cục, 24 phòng thuộc Chi cục trực thuộc Sở; 75 đơn vị sự nghiệp công lập, tỷ lệ giảm 9,7%; thành lập 260 phòng chuyên môn và tương đương trực thuộc UBND cấp xã (195 phòng chuyên môn, 65 Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã) theo quy định.

II. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Hạn chế, yếu kém

- Trong 18 chỉ tiêu chủ yếu có 04 chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu⁵⁵; kết quả thực hiện một số chương trình, đề án, chính sách thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp, du lịch đạt kết quả chưa cao. Kinh tế cửa khẩu chưa phát huy được hết tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn quan tâm đầu tư vào kinh tế cửa khẩu. Hệ thống hạ tầng cơ sở chưa đồng bộ giữa các vùng, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị; hạ tầng các ngành thương mại, dịch vụ, văn hóa, xã hội; hạ tầng số chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Hệ thống quy hoạch còn có tình trạng chồng chéo, chưa mang tính đồng bộ, toàn diện. Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển dịch còn chậm, quy mô sản xuất còn nhỏ hẹp, một số sản phẩm công nghiệp thiếu tính cạnh tranh trên thị trường. Một số dự án đầu tư, nhất là các dự án đầu tư ngoài ngân sách chậm tiến độ, hiệu quả chưa cao, có nguy cơ thất thoát, lãng phí nguồn lực. Công tác quản lý trật tự đô thị, đất đai, tài nguyên khoáng sản có nơi chưa chặt chẽ. Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng còn nhiều vướng mắc, kéo dài.

- Đời sống một bộ phận người dân còn khó khăn; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động; chất lượng giáo dục chưa đồng đều, việc công nhận lại trường đạt chuẩn còn gặp khó khăn về cơ sở vật chất; công tác giảm nghèo chưa bền vững. Hạ tầng du lịch còn hạn chế, hệ thống các sản phẩm du lịch chưa thực sự đặc sắc; một số dự án trọng điểm, chiến lược về phát triển du lịch triển khai chậm. Còn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn an ninh mạng, an toàn phòng cháy, chữa cháy, trật tự an toàn giao thông.

⁵⁴ Nghị quyết số 1672/NQ-UBTVQH15, ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025 (từ 194 xã, phường, thị trấn thành 65 xã, phường, giảm 129 xã, tỷ lệ giảm 66,5%).

⁵⁵ (1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP); (2) Cơ cấu kinh tế; (3) tốc độ tăng thu nội địa; (4) Giảm tai nạn giao thông hằng năm cả 3 tiêu chí; giảm phạm pháp hình sự hằng năm.

Một số loại tội phạm tiếp tục diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng, nhất là tội phạm trộm cắp tài sản, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng.

2. Nguyên nhân hạn chế, yếu kém

2.1. Nguyên nhân khách quan

Với đặc thù của tỉnh miền núi, biên giới, địa hình phức tạp, quy mô nền kinh tế nhỏ; nguồn vốn đầu tư còn hạn hẹp; quy mô các doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là nhỏ và siêu nhỏ; ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 kéo dài, ảnh hưởng hậu quả thiên tai mưa, lũ, hạn hán... đã tác động đến đời sống, sản xuất của Nhân dân và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và doanh thu của doanh nghiệp. Những biến động, xung đột của một số quốc gia trên thế giới, làm cho giá xăng dầu, nguyên vật liệu tăng cao, xuất khẩu một số mặt hàng gặp khó khăn; chuỗi cung ứng lao động bị xáo trộn. Việc triển khai các chính sách miễn, giảm, giãn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất theo quy định nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh và kiểm soát giá cả đã tác động đến hoạt động thu nội địa của tỉnh. Tại một số lĩnh vực, văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương ban hành chưa kịp thời. Các đối tượng phạm tội triệt để lợi dụng khoa học, công nghệ thông tin trong thực hiện các hành vi phạm tội gây khó khăn cho công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh; ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác tham mưu xây dựng, triển khai chính sách của một số cơ quan chức năng còn hạn chế. Việc tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ ở một số chỗ, số nơi còn thiếu tính quyết liệt, chủ động, sáng tạo; có tình trạng né tránh, đùn đẩy công việc, sợ sai, sợ trách nhiệm. Chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm người đứng đầu ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của một bộ phận cán bộ, công chức chưa nghiêm, đạo đức công vụ còn yếu. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, các cơ quan trung ương trên địa bàn tuy đã có chuyển biến nhưng có một số việc chưa thật sự hiệu quả. Công tác nắm tình hình về an ninh, trật tự; công tác tuần tra xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông có lúc, có nơi chưa chủ động, kịp thời, sâu sát. Ý thức cảnh giác, tự phòng, tự bảo vệ tài sản của một bộ phận quần chúng chưa cao, tạo sơ hở để tội phạm lợi dụng.

3. Bài học kinh nghiệm

- Bám sát chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Chủ động tổ chức triển khai, vận dụng linh hoạt, cụ thể hóa các quy định của Trung ương phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; cụ thể hóa Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 thành các nhiệm vụ cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, sát thực tiễn; kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội (hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, giải phóng mặt bằng, bồi thường tái định cư,...).

- Quan tâm xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù, kịp thời điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ các cơ chế, chính sách không còn phù hợp, không phát huy hiệu quả. Trong xây dựng cơ chế, chính sách phải xuất phát từ thực tế, giải quyết nhu cầu chung, khả năng của ngân sách, tạo động lực thúc đẩy, thu hút nguồn lực của xã hội, tránh tạo tư tưởng ỷ lại của Nhân dân. Đồng thời, khi đã ban hành cơ chế, chính sách phải có giải pháp thiết thực để đưa chính sách vào cuộc sống, phát huy hiệu quả; kịp thời sơ kết, tổng kết, đánh giá, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Tập trung phát huy nội lực, khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của địa phương; phát huy các thành tựu của giai đoạn trước, xác định hướng đi phù hợp; tranh thủ sự chỉ đạo, giúp đỡ về cơ chế chính sách, nguồn lực của Trung ương; chủ động, tích cực trong vận động các nguồn vốn ODA, FDI. Trong điều kiện nguồn lực đầu tư có hạn, nhu cầu đầu tư rất lớn, việc lựa chọn, phân bổ nguồn lực đầu tư phải đảm bảo hài hòa, tập trung cho các khu vực động lực, lĩnh vực trọng tâm, liên kết vùng, các dự án có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội để thúc đẩy phát triển, đồng thời phải bảo đảm phát triển các khu vực khó khăn.

- Tăng cường kinh tế phải gắn với phát triển văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường để bảo đảm phát triển bền vững. Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội.

- Phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Tăng cường liên kết, trao đổi thông tin, phối hợp với các tỉnh, thành phố trong nước, phát huy lợi thế tỉnh biên giới, đẩy mạnh công tác đối ngoại để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị.

- Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội.

Nhìn chung, trong giai đoạn 2021 - 2025, tuy gặp nhiều khó khăn, thách thức và còn một số mặt hạn chế, nhưng với sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tỉnh Lạng Sơn đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, năng lực sản xuất, kinh doanh được nâng lên, nhiều công trình, dự án được khởi công tạo liên kết vùng, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; nông, lâm nghiệp có nhiều mô hình sản xuất mới hiệu quả; chương trình xây dựng nông thôn mới đạt được nhiều kết quả tích cực, diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới; thương mại, dịch vụ tiếp tục phát huy được vai trò kinh tế mũi nhọn, tạo động lực tăng trưởng và đổi mới cơ cấu kinh tế của tỉnh; môi trường đầu tư, kinh doanh từng bước cải thiện. Lĩnh vực văn hoá - xã hội có nhiều tiên bộ, an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân tiếp tục được cải thiện. Hoạt động đối ngoại ngày càng hiệu quả, đi vào chiều sâu; năng lực hội nhập quốc tế được

nâng lên. Công tác cải cách hành chính, thực hiện kỷ luật, kỷ cương có những chuyển biến rõ nét. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững. Chính quyền địa phương 02 cấp được vận hành ổn định, không gian phát triển của các địa phương được mở rộng. Trong tổng số 18 chỉ tiêu chủ yếu, có 14 chỉ tiêu đạt và vượt mục tiêu đề ra; 04 chỉ tiêu không đạt.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026 - 2030

I. DỰ BÁO BỐI CẢNH TÌNH HÌNH 5 NĂM TỚI

1. Về thuận lợi

- Là tỉnh miền núi, biên giới, có nhiều cửa khẩu đường bộ và đường sắt quan trọng nối liền nước ta và khu vực ASEAN với Trung Quốc, với vị trí địa lý thuận lợi, là trung tâm kết nối quan trọng của vùng, cả nước và điểm trung chuyển quan trọng của khu vực; quan hệ hữu nghị hợp tác, đối tác chiến lược toàn diện giữa Việt Nam với Trung Quốc được duy trì và phát triển có tác động tích cực đối với sự phát triển của Lạng Sơn. Với hệ thống hạ tầng giao thông ngày càng hoàn thiện, Lạng Sơn kết nối nhanh chóng, thuận tiện với các trung tâm kinh tế của vùng và cả nước như Thủ đô Hà Nội và những tỉnh đang có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao: Quảng Ninh, Bắc Ninh và các tỉnh vùng Đông Bắc. Trong kết nối khu vực, Lạng Sơn là điểm trung chuyển quan trọng trên Tuyến hành lang quốc tế mới về thương mại trên bộ, trên biển (tuyến vận tải hướng Nam Trùng Khánh - Singapore, đi qua Việt Nam), đang được Trung Quốc tích cực triển khai hợp tác với các nước ASEAN. Vị trí địa kinh tế này giúp tỉnh có lợi thế lớn trong giao lưu kinh tế, phát triển dịch vụ - thương mại, xuất nhập khẩu và du lịch có điều kiện vươn lên trở thành cực tăng trưởng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Những kết quả đạt được về phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua là tiền đề thuận lợi để tiếp tục phát triển. Trong thời gian tới, một số dự án lớn trên địa bàn sẽ từng bước hoàn thành và đi vào khai thác như: Tuyến đường cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng (góp phần hoàn thiện tuyến cao tốc Lạng Sơn - Hà Nội), tuyến đường cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng), hoàn thành cải tạo tuyến Quốc lộ 4B đoạn Km18-Km80, dự án Nhiệt điện Na Dương II, Đề án thí điểm xây dựng cửa khẩu thông minh, các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, các khu đô thị mới; cùng với đó những nét văn hóa truyền thống đặc sắc, nhiều thắng cảnh và di tích lịch sử nổi tiếng kết hợp với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO,... sẽ tạo điều kiện thuận lợi, mở ra cơ hội, thời cơ mới cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh, không gian phát triển của các xã, phường được mở rộng, công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số được đẩy mạnh, trách nhiệm các cấp, ngành, công chức trong thực thi nhiệm vụ được nâng lên, môi trường đầu tư tiếp tục được cải thiện là những yếu tố tích cực

trong tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong thời gian tới.

2. Về khó khăn

- Quy mô nền kinh tế nhỏ, sức cạnh tranh yếu; tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, phụ thuộc nhiều vào cơ chế, chính sách điều hành, điều tiết của Trung ương và các yếu tố khách quan khác. Địa hình phức tạp, bị chia cắt mạnh, hạn chế phát triển cơ sở hạ tầng, sản xuất nông nghiệp.

- Các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh tăng trưởng chưa cao, hoạt động sản xuất, kinh doanh còn nhiều hạn chế, khó khăn. Sản xuất công nghiệp chủ yếu vẫn là chế biến thô, gia công với giá trị gia tăng thấp; các sản phẩm, năng lực sản xuất mới chưa nhiều. Khoa học công nghệ chưa thực sự trở thành động lực thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, nhất là hạ tầng khu vực cửa khẩu, biên giới. Nhu cầu đầu tư phát triển, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, dịch bệnh... rất lớn nhưng nguồn lực còn hạn hẹp. Thiếu mặt bằng sản xuất, chất lượng nguồn nhân lực chưa đồng đều đã hạn chế đến việc thu hút đầu tư.

- Tỉnh sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt về hàng hoá và các sản phẩm dịch vụ, cạnh tranh vị thế “cầu nối” Trung Quốc – ASEAN và cạnh tranh phát triển kinh tế cửa khẩu với một số tỉnh như: Quảng Ninh, Cao Bằng, Lào Cai và cạnh tranh thu hút đầu tư, cạnh tranh về phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế với các địa phương lân cận và trong vùng.

- Đời sống Nhân dân ở các vùng cao, biên giới còn nhiều khó khăn; vẫn đề giải quyết việc làm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông diễn biến phức tạp. Tình hình thời tiết diễn biến bất thường, thiên tai, dịch bệnh tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đời sống Nhân dân.

II. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tập trung đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và kinh tế tư nhân; đầu tư hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, đô thị; tái cơ cấu nông, lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển kinh tế cửa khẩu năng động, hiện đại; đẩy mạnh phát triển văn hóa, xã hội, phát triển du lịch xanh gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo đảm biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, tạo đà phát triển nhanh và bền vững, xây dựng tỉnh Lạng Sơn trở thành một trong các cực tăng trưởng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ vào năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá vào năm 2035.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Chỉ tiêu kinh tế

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đến năm 2030 đạt khoảng 111.100 tỷ đồng.

(2) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân hằng năm từ 10 - 11%.

(3) Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn đến năm 2030: Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản 12 - 13%; khu vực Công nghiệp - Xây dựng 32 - 33%; khu vực Dịch vụ 50 - 51%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4 - 5%.

(4) Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 130 triệu đồng, tương đương khoảng 5.000 USD.

(5) Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt trên 30%.

(6) Thu nội địa tăng bình quân hằng năm từ 10% trở lên.

(7) Tổng vốn đầu tư xã hội cả giai đoạn khoảng 250 - 270 nghìn tỷ đồng.

(8) Đến năm 2030, tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP khoảng 50 - 51%.

(9) Lượng khách du lịch đến năm 2030 đạt khoảng 6.000.000 lượt người; Tổng thu từ khách du lịch đạt từ 10.000 tỷ đồng trở lên.

(10) Kim ngạch xuất khẩu hàng địa phương tăng bình quân hằng năm 10-11%.

2.2. Chỉ tiêu xã hội

(11) Đến năm 2030 dân số đạt khoảng 854 - 856 nghìn người.

(12) Đến năm 2030, tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt khoảng 73,5 - 74 tuổi.

(13) Đến năm 2030, Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,7 - 0,75.

(14) Đến năm 2030, số lao động có việc làm đạt khoảng 339.000 người.

(15) Đến năm 2030, tỷ trọng lao động có việc làm: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 36 - 37%; công nghiệp và xây dựng 24 - 25%; dịch vụ 38 - 39%.

(16) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt từ 76% trở lên; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%.

(17) Đến năm 2030, tỷ lệ thất nghiệp khoảng 3 - 3,5%.

(18) Đến năm 2030, năng suất lao động đạt trên 320 triệu đồng/người.

(19) Đến năm 2030: Duy trì tỷ lệ xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã là 100%; có 13,5 bác sĩ và 37 giường bệnh trên 1 vạn dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 96% dân số.

(20) Đến năm 2030, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt trên 60%.

(21) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) giảm 2%/năm.

(22) Đến năm 2030, thu nhập bình quân đầu người 01 tháng đạt khoảng 5,4 triệu đồng.

(23) Đến năm 2030, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 100%; tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn khoảng 80%.

(24) Đến năm 2030, tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới 60%.

(25) Đến năm 2030, tỷ lệ đường xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt trên 90% (theo phân loại đường đến hết năm 2024); tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt trên 95%; toàn tỉnh có 3.000 căn nhà ở xã hội.

(26) Kiểm chế, kéo giảm tai nạn giao thông hằng năm cả 3 tiêu chí $\geq 5\%$; giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội hằng năm $\geq 5\%$.

2.3. Chỉ tiêu môi trường

(27) Đến năm 2030, tỷ lệ che phủ rừng duy trì mức 65%.

(28) Đến năm 2030, 100% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý.

(29) Duy trì 100% tỷ lệ chất thải y tế được xử lý.

(30) Đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom, phân loại và xử lý đạt trên 99%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn được thu gom, phân loại và xử lý đạt khoảng 90%.

(31) Đến năm 2030 tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý giữa các ngành lĩnh vực, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của tỉnh

1.1. Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới và quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

Tập trung thực hiện quyết liệt, toàn diện và thực chất tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh; hình thành các vùng trồng trọt chuyên canh, quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh; xác định ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số là khâu đột phá để nâng cao chất lượng và mở rộng thị trường; tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng gia trại, trang trại, an toàn sinh học, ứng dụng kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; tăng cường liên kết

trang trại với các cơ sở giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm kiểm soát dịch bệnh, nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm; phát triển thủy sản bền vững, bảo vệ và phục hồi nguồn lợi tự nhiên; tận dụng tối đa mặt nước hiện có để mở rộng diện tích nuôi các loài cá truyền thống. Chú trọng đầu tư mở rộng mô hình nuôi cá lồng tại các địa phương có tiềm năng.

Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế kinh tế đồi rừng, phát triển lâm nghiệp trở thành một ngành kinh tế bền vững, đặc biệt là khai thác tiềm năng thị trường tín chỉ các-bon. Đẩy mạnh trồng rừng sản xuất theo mô hình trồng cây gỗ lớn và trồng rừng phòng hộ; quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng, phát triển cây dược liệu, cây dưới tán rừng; tăng cường chế biến sâu các sản phẩm lâm nghiệp, phát triển vùng nguyên liệu gắn với cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC). Hoàn thiện cơ chế, chính sách để tháo gỡ điểm nghẽn, thu hút mạnh mẽ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp. Tiếp tục đầu tư xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, thực chất, lấy nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân làm trung tâm, hướng tới xây dựng nông thôn văn minh, xanh, sạch, đẹp, đáng sống.

Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các loại tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, khoáng sản, rừng và tài nguyên nước. Kiên quyết xử lý, thu hồi các dự án chậm muộn không hiệu quả, có nguy cơ gây thất thoát lãng phí. Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư cho Nhân dân khi Nhà nước thu hồi đất. Chú trọng công tác hậu kiểm việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; nâng cao chất lượng giám sát môi trường, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường; nâng cao chất lượng, ngăn ngừa suy giảm môi trường khu vực đô thị, khu đông dân cư ở nông thôn. Chủ động ứng phó thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu mức độ thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra.

1.2. Tiếp tục tập trung phát triển nhanh kinh tế cửa khẩu, xây dựng cửa khẩu thông minh, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tập trung phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn thành trung tâm kinh tế cửa khẩu hiện đại, năng động, trung tâm dịch vụ cửa khẩu và hậu cần logistics quốc gia và quốc tế. Nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh quy mô, ranh giới và các khu chức năng của Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển không gian của tỉnh trong thời kỳ mới. Phát triển các loại hình dịch vụ qua biên giới gắn với kinh tế cửa khẩu. Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh huy động mọi nguồn lực từ các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài nước để đầu tư, xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất kinh doanh tại Khu kinh tế cửa khẩu.

Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu và biên giới. Tiếp tục xây dựng cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị trở thành cửa khẩu kiểu mẫu, dựa trên ứng dụng công nghệ cao, có hệ thống giao thông đường bộ hiện đại kết nối với cảng biển, sân bay gắn với Đề án thí điểm xây dựng cửa khẩu thông minh. Tập trung phát triển các cửa khẩu của tỉnh theo định hướng

quy hoạch tỉnh và các quy hoạch đã được phê duyệt, trong đó chú trọng phát triển đối với 04 cửa khẩu⁵⁶. Mở rộng hợp tác quốc tế với Quảng Tây (Trung Quốc) và các địa phương lân cận, phát triển các trung tâm logistics tập trung, hiện đại, phát triển logistics xuyên biên giới, nghiên cứu phát triển khu thương mại tự do/khu hợp tác qua biên giới, tạo đột phá trong kết nối thương mại khu vực.

1.3. Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, xanh, an toàn và hiện đại, đưa công nghiệp trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, ưu tiên phát triển nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến nông, lâm sản và thực phẩm gắn với vùng nguyên liệu. Thực hiện các mục tiêu về giảm phát thải, nâng cao giá trị gia tăng và tham gia vào các chuỗi giá trị, với các ngành có lợi thế, cơ hội phát triển như: Năng lượng tái tạo, trong đó ưu tiên phát triển sản xuất điện gió, điện sinh khối. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp VSIP Lạng Sơn, các cụm công nghiệp đã được thành lập (Đình Lập, Hồ Sơn 1, Bắc Sơn 2, Hòa Sơn 1...) và thu hút đầu tư các cụm công nghiệp đã có trong quy hoạch, nhất là các cụm công nghiệp đã có nhà đầu tư quan tâm. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Nhà máy nhiệt điện Na Dương II, phấn đấu đưa vào vận hành trong năm 2026; đôn đốc nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án Thủy điện Bắc Giang (Vàng Puộc); thực hiện đầu tư các nhà máy thủy điện nhỏ thuộc bậc thang sông Kỳ Cùng (thủy điện Đèo Khách, Tràng Định 2,..), tạo điều kiện thuận lợi, thu hút đầu tư đối với 22 dự án điện gió theo quy hoạch.

1.4. Đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch đồng bộ hiện đại, các dự án phát triển khu, điểm du lịch. Gắn kết chặt chẽ thương mại, dịch vụ và du lịch, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư phát triển du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa. Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư hạ tầng du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đồng bộ, kết nối phát triển hệ thống các trung tâm, khu, điểm, tuyến du lịch. Tập trung phát triển Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn, gắn với phát triển du lịch; Từng bước triển khai, hoàn thành, đưa vào khai thác các dự án du lịch, đặc biệt là khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn trở thành một trong những động lực kinh tế của tỉnh và các điểm du lịch, điểm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tại các địa phương; xây dựng cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, cửa khẩu thông minh và Công viên logistics Viettel Lạng Sơn trở thành điểm du lịch mới của tỉnh; triển khai "Đề án phát triển du lịch y tế giai đoạn 2026-2030"; khai thác hiệu quả các giá trị di tích lịch sử của tỉnh, đặc biệt là Khu di tích quốc gia đặc biệt Khởi nghĩa Bắc Sơn, Khu di tích lịch sử

⁵⁶ (1) Cửa khẩu Hữu Nghị phát triển trở thành cửa khẩu kiểu mẫu ứng dụng công nghệ cao, cửa khẩu thông minh, là “mô hình điển hình” cho vận tải đường bộ của Việt Nam; (2) Cửa khẩu Ga đường sắt Đồng Đăng hướng tới cung cấp chính các dịch vụ logistics và các dịch vụ hỗ trợ thông minh, hiện đại; (3) Nâng cấp cửa khẩu song phương Chi Ma (Việt Nam) - Ái Diễm (Trung Quốc) thành cửa khẩu quốc tế và phát triển kho bãi và dịch vụ logistics cho thương mại điện tử; (4) Nâng cấp cửa khẩu Bình Nghi (Việt Nam) - Bình Nhi Quan (Trung Quốc) thành cửa khẩu song phương,...

quốc gia đặc biệt Chi Lăng gắn với các hoạt động du lịch. Phát triển sản phẩm và thị trường du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch; nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến quảng bá du lịch. Chú trọng chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch và phát triển một số loại hình dịch vụ mới có giá trị gia tăng cao. Tập trung nâng cấp và phát triển nhóm sản phẩm du lịch chủ đạo của tỉnh, đi đôi với tái đầu tư, bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ môi trường phát triển bền vững. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch hướng đến chuyên nghiệp; tăng cường hợp tác, liên kết phát triển du lịch với các địa phương trọng điểm về du lịch, các địa phương lân cận trong vùng và hợp tác quốc tế về phát triển du lịch.

Phát triển thương mại nội địa, hạ tầng thương mại, hệ thống mạng lưới chợ nông thôn, các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối tại các khu vực dân cư, khu đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu vực cửa khẩu. Phát triển hạ tầng thương mại biên giới hiện đại, gắn với mô hình “cửa khẩu thông minh”, đồng bộ giữa giao thông – logistics – thương mại – dịch vụ, hướng tới hình thành Lạng Sơn là trung tâm logistics và đầu mối thương mại quốc tế khu vực phía Bắc. Phát triển đồng bộ các điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP gắn với du lịch, tạo điểm nhấn thương mại – văn hóa – du lịch, góp phần tiêu thụ sản phẩm đặc trưng của địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, làng nghề và khởi nghiệp thương mại. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm chủ lực của địa phương tại các tỉnh trong nước và nước ngoài. Phát triển các hoạt động thương mại điện tử; chú trọng giữ ổn định và tăng giá trị một số mặt hàng xuất khẩu của địa phương, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất hàng hóa xuất khẩu, cung ứng cho xuất khẩu với các mặt hàng chủ lực của địa phương như: Hoa hồi, nhựa thông, thạch đen, ván ép, ván bóc,... Khuyến khích phát triển một số loại hình dịch vụ mới có giá trị gia tăng cao.

1.5. Tập trung huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp, phát triển cơ sở hạ tầng từng bước đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông, đô thị, khu, cụm công nghiệp. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, phát triển đô thị. Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư, tăng cường thu hút các dự án hợp tác công tư; huy động thu hút vốn ODA, FDI và các nguồn vốn trong nước để phát triển hạ tầng; xây dựng các cơ chế, đề án để thực hiện lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia.

Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương tổ chức triển khai thực hiện đầu tư hoàn thành các tuyến cao tốc, đường sắt, các tuyến quốc lộ, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông có tính chất liên kết vùng, liên kết tỉnh, các tuyến đường tỉnh, đường kết nối giữa các địa phương trong tỉnh, đường nội thị, đường ra cửa khẩu, đường tuần tra biên giới,...; đẩy mạnh phong trào làm đường giao thông nông thôn. Xây dựng hoàn thiện đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng); triển khai công tác chuẩn bị đầu tư tuyến cao tốc Lạng Sơn - Thái Nguyên; chuẩn bị tốt cho công tác chuẩn bị đầu tư tuyến cao tốc Lạng Sơn - Quảng Ninh (đoạn Lạng Sơn - Tiên Yên) khi đủ điều kiện; tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Đồng Đăng; đầu tư hạ tầng logistics như: Cảng cạn Tân Thanh, Yên Trách, khu phi thuế quan. Đầu

tư xây dựng và hoàn thành theo lộ trình một số khu đô thị mới. Tăng cường đầu tư hạ tầng các xã, phường, các khu dân cư nông thôn, khu vực cửa khẩu; đầu tư hoàn thiện các tiêu chí của đô thị theo kế hoạch. Đẩy mạnh huy động, đa dạng hóa nguồn lực xã hội, thu hút các nhà đầu tư có năng lực đầu tư các nghĩa trang tập trung, cơ sở hỏa táng, công viên nghĩa trang tại xã Công Sơn.

Tập trung phát triển các khu, cụm công nghiệp tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng thu ngân sách nhà nước, giải quyết việc làm. Tập trung đầu tư có trọng điểm hạ tầng thiết yếu tại các khu, cụm công nghiệp ở những nơi có hạ tầng đồng bộ, thuận lợi thu hút đầu tư gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp tham gia vào khu, cụm công nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030 tỉnh có 07 khu công nghiệp với diện tích 2.055 ha và 24 cụm công nghiệp với diện tích 1.158,1 ha.

Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt công tác giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư, nhất là các dự án đầu tư trọng điểm về giao thông, khu công nghiệp, khu đô thị mới, dự án vướng mắc kéo dài nhiều năm; quy hoạch, tạo quỹ đất sạch để thu hút các nhà đầu tư lớn theo định hướng phát triển của tỉnh, nhất là các dự án quan trọng, có tính chất lan tỏa tạo liên kết vùng, thúc đẩy sự phát triển theo từng ngành, lĩnh vực và phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

Tổ chức triển khai Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng quy định; thực hiện tốt công tác quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng theo quy định, bảo đảm phát huy được tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, phát triển đô thị. Rà soát, xây dựng, hoàn thiện các quy hoạch liên quan khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Đẩy mạnh liên kết vùng, mở rộng và cơ cấu lại không gian phát triển phù hợp với hệ thống hành chính mới tạo không gian phát triển, tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các quy hoạch cấp vùng, quy hoạch tỉnh.

1.6. Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, thu hút đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế.

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, rà soát, cải cách thủ tục hành chính về đăng ký kinh doanh; tập trung chỉ đạo quyết liệt, xác định các giải pháp cụ thể cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), phấn đấu chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh xếp thứ hạng ở mức khá so với cả nước. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; thúc đẩy hình thành, phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo, áp dụng công nghệ mới, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Phát triển kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo dẫn dắt nền kinh tế; phát triển kinh tế tư nhân giữ vai trò nòng cốt, là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế đóng góp lớn vào tăng trưởng; kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các loại hình kinh tế khác giữ vai trò quan

trọng đưa kinh tế của tỉnh phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế. Chủ động nắm bắt thông tin, đồng hành cùng doanh nghiệp, nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư; tăng cường tiếp xúc, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, ưu tiên thu hút các dự án có quy mô lớn, có hàm lượng công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng cao hướng đến thúc đẩy kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn để vừa gia tăng giá trị kinh tế vừa bảo vệ môi trường phù hợp định hướng phát triển bền vững của tỉnh và có khả năng tạo sức lan tỏa cho các ngành, lĩnh vực liên quan.

1.7. Tăng cường quản lý và điều hành ngân sách nhà nước. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách, cơ cấu lại ngân sách, hình thành các nguồn thu ổn định, bền vững, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về quản lý thu ngân sách nhà nước, các giải pháp huy động tối đa nguồn thu. Mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, nguồn thu còn tiềm năng, phấn đấu tăng tỷ trọng thu nội địa; điều chỉnh, bổ sung đối với các chính sách về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền. Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính từ đất đai, sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất là tài sản công để bố trí, sử dụng đúng mục đích, đúng quy định. Tăng cường công tác quản lý giá, thị trường đất đai, bất động sản; phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai để phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công, gắn với các mục tiêu về tái cơ cấu nền kinh tế, phát triển bền vững. Quản lý chặt chẽ, tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước gắn với sắp xếp, tinh gọn bộ máy hoạt động trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập để tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển.

1.8. Hoàn thiện, ban hành các cơ chế, chính sách, nhất là cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh theo hướng hiệu quả, bền vững, phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển của thời đại làm cơ sở, động lực, tạo bước đột phá mạnh mẽ trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung nghiên cứu nhóm các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, thu hút các nhà đầu tư chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có tiềm năng, lợi thế; cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, giảng viên đào tạo nghề, bác sĩ, nhân lực khoa học công nghệ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật cao trong các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ lực; hỗ trợ học sinh, sinh viên tham gia học nghề, trọng tâm là hỗ trợ đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; cơ chế, chính sách về khuyến khích đầu tư, phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường; cơ chế chính sách để ưu tiên, đẩy nhanh xử lý các thủ tục tiên quan đến đất đai, đầu tư, quy hoạch, xây dựng cơ bản để tháo gỡ các nút thắt, điểm nghẽn về quy hoạch, đất đai, hạ tầng thủ tục đầu tư; xây dựng các cơ chế, chương trình liên kết vùng của các địa phương trong tỉnh; liên kết với các tỉnh trong khu vực về hạ tầng giao thông, logistics, thương mại, du lịch và phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp,...

2. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội; thực hiện giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân

2.1. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; xây dựng nhân lực có trình độ, chuyên môn, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới căn bản và toàn diện, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu tình hình mới. Xây dựng cơ chế chính sách đặc thù khuyến khích phát triển giáo dục ngoài công lập, xã hội hoá giáo dục, tự chủ trong các cơ sở giáo dục công lập. Duy trì và nâng cao kết quả chất lượng phổ cập giáo dục; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; giáo dục bắt buộc đối với hết trung học cơ sở, thực hiện xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông; phấn đấu ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực. Tích cực, chủ động ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong quản lý và dạy học. Nâng cao năng lực tự chủ của các cơ sở giáo dục, huy động các nguồn lực đầu tư hiệu quả cho giáo dục. Rà soát, sắp xếp hệ thống trường, lớp học phù hợp thực tiễn và mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường, lớp học; đảm bảo đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn đủ điều kiện công nhận mới và công nhận lại trường học đạt chuẩn quốc gia, đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM, STEAM, không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất. Xây dựng Đề án thành lập thêm 05 trường THPT; hoàn thành xây dựng trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới; cải thiện điều kiện cơ sở vật chất các trường phổ thông dân tộc nội trú; đầu tư xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, nâng mức đạt chuẩn. Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và xã hội hóa giáo dục.

Tập trung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức các ngành, lĩnh vực trọng yếu như: Giáo dục, y tế, công nghiệp, nông nghiệp thông minh, du lịch, khoa học và công nghệ, chuyển đổi số; xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn, quản lý giỏi, có khả năng sử dụng và làm chủ công nghệ số, đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi số. Chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực bảo đảm chất lượng, có đạo đức, kỷ luật, ý thức trách nhiệm công dân và xã hội; có tư duy sáng tạo, kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, năng lực ngoại ngữ và kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế. Tập trung phát triển, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phục vụ trong các lĩnh vực ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhất là nguồn nhân lực cho các dự án khu cụm, công nghiệp, du lịch, dịch vụ, logistics, cửa khẩu, chuyển đổi số; nghiên cứu triển khai các mô hình đào tạo theo nhu cầu thị trường lao động và theo cơ chế “đặt hàng doanh nghiệp”, gắn kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp - cơ sở đào tạo - cơ quan quản lý.

2.2. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; thực hiện đồng bộ các giải pháp tổng thể nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, phục hồi chức năng tại các tuyến, đặc biệt tuyến cơ sở. Tiếp tục quan tâm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị y tế; đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao y đức; xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh; đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao và đa dạng của Nhân dân. Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, nâng cao năng lực hệ thống giám sát, cảnh báo dịch và phòng, chống dịch bệnh; nâng cao năng lực y tế dự phòng ở tuyến cơ sở; tiếp tục tăng cường chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm, không để dịch bệnh lớn, vụ ngộ độc thực phẩm lớn xảy ra. Đổi mới công tác quản lý và tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn y tế. Tiếp tục triển khai Đề án tự chủ về tài chính theo lộ trình tiến tới tự chủ toàn bộ tại các đơn vị y tế. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển hệ thống y tế; phát triển y tế ngoài công lập, tăng cường phối hợp công - tư, hợp tác quốc tế trong cung ứng dịch vụ y tế.

2.3. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, thể thao và truyền thông, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân

Phát triển văn hóa, thể thao đảm bảo giữ gìn bản sắc, giá trị truyền thống, phong tục tập quán của địa phương. Xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Lạng Sơn trên nền tảng hệ giá trị văn hóa Việt Nam, hệ giá trị gia đình Việt Nam và hệ giá trị con người Việt Nam với các giá trị chủ yếu: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, sáng tạo, văn minh. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh” và Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế công trình văn hóa, thể thao đạt chuẩn đáp ứng các hoạt động văn hóa, thể thao của tỉnh. Chú trọng bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, giữ gìn giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, truyền thống lịch sử cách mạng; tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích quốc gia đặc biệt Khởi nghĩa Bắc Sơn, Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chi Lăng, các di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia; phát triển các mô hình du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa dân tộc. Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035.

Phát triển phong trào thể dục - thể thao quần chúng; đào tạo, bồi dưỡng lực lượng thể thao thành tích cao. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao. Chú trọng nâng cao chất lượng nội dung, hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở; đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa, thể thao trọng điểm, hiện đại, quy mô như: Tượng đài và Quảng trường Bác Hồ với Nhân dân các dân tộc tỉnh

Lạng Sơn, Khu liên hợp thể thao tỉnh Lạng Sơn. Quan tâm phát triển công nghiệp văn hóa; phát triển văn học, nghệ thuật, khuyến khích sáng tác các tác phẩm tiêu biểu, nổi bật, có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao mang đậm nét văn hóa, con người Lạng Sơn, phản ánh sinh động thực tiễn cuộc sống, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh. Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả các hoạt động thông tin, truyền thông. Tăng cường công tác quản lý, định hướng và nâng cao chất lượng hoạt động các cơ quan báo chí, xuất bản. Đẩy mạnh quảng bá giới thiệu hình ảnh và bản sắc của tỉnh Lạng Sơn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2.4. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo, dân tộc, tôn giáo

Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách về giải quyết việc làm, nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng, năng suất lao động; quan tâm công tác xuất khẩu lao động. Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động, đặc biệt là chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương; xây dựng quan hệ lao động, hài hòa, ổn định, tiến bộ; chú trọng công tác an toàn vệ sinh lao động. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội đối với người có công, quan tâm đời sống người nghèo, người gặp khó khăn, thu nhập thấp, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

Huy động, sử dụng tốt các nguồn lực hỗ trợ cho giảm nghèo, lồng ghép triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới với chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 và các chương trình, dự án, chính sách khác để tạo điều kiện phát triển sản xuất, tăng thu nhập của người dân tại các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, an toàn khu, biên giới và thôn đặc biệt khó khăn.

Thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về bảo vệ trẻ em, tạo môi trường thuận lợi để thực hiện toàn diện quyền trẻ em. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội. Thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân. Phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc, những giá trị văn hóa truyền thống, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp, công nhân ở các khu, cụm công nghiệp, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao đến năm 2030 có 3.000 căn nhà ở xã hội.

3. Ưu tiên phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tạo động lực phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tăng đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi

mới sáng tạo và chuyển đổi số; hướng đến tổng chi ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3%. Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với những lĩnh vực kinh tế có thế mạnh, tiềm năng và định hướng phát triển của tỉnh (kinh tế cửa khẩu, logistics, vận tải, sản xuất và chế biến, năng lượng tái tạo, dịch vụ, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn). Tăng cường xác lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, khơi dậy tinh thần sáng tạo. Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả. Phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học - công nghệ; có các chế độ, chính sách đãi ngộ vượt trội cho đội ngũ nghiên cứu khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia đầu ngành.

Chuyển đổi số mạnh mẽ trong các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội. Thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền, đáp ứng phương thức sống mới, phương thức làm việc mới trong một môi trường số an toàn, rộng khắp. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng viễn thông, phủ sóng 5G, internet tốc độ cao để chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả. Phát triển kinh tế số là nền kinh tế với các hoạt động dựa trên công nghệ số và nền tảng số, đặc biệt là các giao dịch điện tử trên môi trường mạng. Xây dựng xã hội số là xã hội hiện đại áp dụng và tích hợp công nghệ số vào mọi mặt đời sống.

Quản lý chặt chẽ việc triển khai các đề tài, dự án khoa học và công nghệ; tổ chức nhân rộng, ứng dụng hiệu quả các kết quả nghiên cứu đã được nghiệm thu vào sản xuất và đời sống. Tập trung nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, chế biến nông – lâm sản, xây dựng và phát triển nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp công nghệ mới, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm, bảo vệ môi trường, bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống; gắn hoạt động nghiên cứu với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, đời sống nhân dân. Tiếp tục thực hiện Đề án triển khai chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

4.1. Chỉ đạo ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra hàng năm, đảm bảo bám sát định hướng của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Thanh tra chính phủ, phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực, địa bàn. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các kết luận thanh tra, kiểm toán, các quyết định xử lý sau thanh tra. Phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp công dân, đối thoại với công dân; giải quyết kịp thời các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, không để kéo dài, vượt cấp, phát sinh “điểm nóng” về khiếu nại, tố cáo. Thực hiện đồng bộ, thực

chất, hiệu quả các giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4.2. Chú trọng công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong nội địa và trên tuyến biên giới. Tiếp tục tăng cường quản lý thị trường nội địa gắn với công tác tuyên truyền đảm bảo nguồn cung hàng hóa, chất lượng sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm phục vụ tốt nhất nhu cầu của Nhân dân; tạo môi trường lành mạnh, bình đẳng, thuận lợi trong hoạt động của doanh nghiệp, các tổ chức, tập thể và cá nhân sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu qua địa bàn.

5. Tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng đối ngoại; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển

5.1. Quán triệt và thực hiện tốt các quan điểm, chủ trương của Đảng về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; nhất là các nghị quyết, chỉ thị về quốc phòng, an ninh, bảo vệ biên giới quốc gia. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, phát huy vai trò của hệ thống chính trị và toàn dân trong xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng thế trận lòng dân vững chắc; phòng, chống chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; chủ động bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Tập trung đầu tư xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng hệ thống phòng thủ dân sự và phòng không nhân dân vững chắc; lập quy hoạch căn cứ hậu cần - kỹ thuật trong căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương các cấp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống. Xây dựng lực lượng vũ trang tinh vững mạnh toàn diện, sức chiến đấu cao theo hướng “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”; xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp. Nâng cao chất lượng công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự; công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng. Thực hiện tốt chính sách người có công, chính sách hậu phương quân đội. Thực hiện tốt hoạt động đối ngoại quốc phòng, an ninh; xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển; từng bước hiện đại hóa công tác quản lý, bảo vệ biên giới, cửa khẩu; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả.

5.2. Thực hiện tốt công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh, kiềm chế các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc các quan điểm, chủ trương của Đảng về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Chủ động các biện pháp quản lý chặt chẽ khu vực biên giới, giải quyết có hiệu quả, đúng pháp luật các vấn đề phức tạp xảy ra, không để mất ổn định về an ninh, trật tự; nâng cao cảnh giác trước âm mưu, phương thức, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động nhằm phá hoại các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh

làm thất bại âm mưu, hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của các thế lực thù địch, phản động; làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, bí mật nhà nước, bảo vệ an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn và quá trình kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; bảo đảm an ninh số, an ninh dữ liệu, an ninh hạ tầng dữ liệu, an ninh truyền dẫn, an ninh kinh tế; tăng cường công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, bảo đảm an ninh dân tộc, giải quyết các vụ khiếu kiện, không để phát sinh “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp, kéo giảm các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; đấu tranh quyết liệt các loại tội phạm về hình sự, tội phạm và vi phạm pháp luật trên không gian mạng, tội phạm về ma túy và tập trung triển khai các biện pháp rà soát, quản lý người nghiện, giảm cầu về ma túy,... không để hình thành tội phạm có tổ chức và các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội gây bức xúc trong Nhân dân; ngăn chặn hiệu quả các loại tội phạm và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kinh tế, môi trường. Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án 06; thực hiện quyết liệt các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Tăng cường công tác quản lý giam giữ, thi hành án hình sự tại cộng đồng.

5.3. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Tiếp tục quán triệt triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối đối ngoại trên cả 3 trụ cột: Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Phát huy vai trò của đối ngoại quốc phòng và đối ngoại công an nhân dân trong công tác đối ngoại. Mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác giữa tỉnh Lạng Sơn với các địa phương, đối tác nước ngoài. Tiếp tục thúc đẩy đưa quan hệ láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực với Quảng Tây, Trung Quốc ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả, thực chất.

Chủ động, tích cực tranh thủ các cơ chế giao lưu hợp tác hiện có, nghiên cứu, đề xuất các cơ chế hợp tác mới, tham gia vào các sáng kiến hợp tác do phía Trung Quốc và các đối tác đề xuất, phù hợp với lợi ích, khả năng và điều kiện cụ thể của tỉnh và đất nước; thúc đẩy mở rộng quan hệ cấp địa phương, xúc tiến hợp tác đi vào chiều sâu và thực chất hơn với các địa phương khác của Trung Quốc, các đối tác truyền thống, có tiềm năng, nhu cầu hợp tác phát triển với tỉnh và các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới lãnh thổ quốc gia, duy trì môi trường hoà bình để xây dựng và phát triển đất nước.

6. Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao năng lực điều hành và hiệu quả tổ chức thực hiện của các cấp chính quyền

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính. Thực hiện các giải pháp đồng bộ cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao các chỉ số: Năng lực cạnh tranh (PCI) cấp tỉnh, Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI). Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm

vụ xây dựng Chính quyền điện tử. Nâng cao chất lượng phục vụ hành chính công. Thực hiện tốt cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” cấp xã; duy trì, phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Tiếp tục triển khai thực hiện sắp xếp, tinh giản biên chế, xây dựng bộ máy chính quyền các cấp tinh-gọn-mạnh-hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, nâng cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ, nhất là đối với người đứng đầu chính quyền, các cơ quan, đơn vị. Đổi mới cơ chế, chính sách, quản lý chặt chẽ nguồn lực tài chính, tài sản công tránh gây thất thoát, lãng phí; đẩy mạnh xã hội hóa nguồn kinh phí và thực hiện cơ chế tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tiếp tục thực hiện chuyển một số đơn vị sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp.

Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện của chính quyền các cấp. Tập trung tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội và các nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, định hướng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân để tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tranh thủ tối đa sự ủng hộ của các cơ quan Trung ương, các nhà đầu tư và doanh nghiệp để khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh, huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Trong chỉ đạo, điều hành cần ưu tiên nguồn lực, tập trung giải quyết hiệu quả, bảo đảm tiến độ đối với các vấn đề trọng tâm, trọng điểm, có tính lan tỏa; chú trọng tính liên kết và phát triển bền vững, hài hòa. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính trong thực thi công vụ, tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức về trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ, nhất là đối với người đứng đầu chính quyền, các cơ quan, đơn vị. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, phòng chống, ngăn chặn các hành vi sách nhiễu người dân, doanh nghiệp. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các sở, ban ngành, chính quyền cấp xã để tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng; quản lý đầu tư xây dựng, quản lý quy hoạch... Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, tạo động lực để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế - xã hội. Phối hợp tổ chức tốt cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2030.

(Có Biểu số liệu các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và Phụ lục danh mục các chương trình, đề án triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 kèm theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp, các ngành chỉ đạo quán triệt phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 trong toàn thể cán bộ, công chức, viên

chức, các tầng lớp Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; tăng cường lãnh đạo, tạo sự thống nhất về nhận thức, hành động và chỉ đạo triển khai thực hiện.

2. Các sở, ban, ngành trên cơ sở hướng dẫn của ngành, lĩnh vực và Kế hoạch này cụ thể bằng các chương trình, kế hoạch, đề án để triển khai thực hiện. UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo điểm a, khoản 3 điều 21 và khoản 1 điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Trong quá trình thực hiện, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, tổ chức, đơn vị liên quan phải bám sát quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển để xây dựng, cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tập trung giải quyết những vấn đề phát sinh, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Sở Tài chính thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; đề xuất UBND tỉnh bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu, giải pháp điều hành thực hiện Kế hoạch phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

4. Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và Nhân dân trong việc thực hiện và giám sát thực hiện phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 tỉnh Lạng Sơn./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh ;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh Lạng Sơn;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy, các Ban HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CM, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, TH (ĐTK).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cảnh Toàn